Phẩm 14 - Tâm (Kinh số 172 - 181)

Kinh Trung A-Hàm (Trung Tâm DT Trí Tịnh - VNC PHVN, 2022)

PHẨM 14: TÂM1 (Gôm 10 kinh, thuộc ngày tụng thứ tư\ Tụng phân biệt)

Kệ tóm tắt 10 kinh:
Tâm, Phùf Thọ pháp nhỉ
Hành thiên, Thuyết, Lạp sư
Ngũ Chi tài vật chủ
Cù-đàm-dỉ, Đa giới}12
1 Quyển 45. 2 Nguyên tác Nhiếp tụng:,; ,;;.Do đặt lại tựa đề
nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh. "Tho pháp nhj" tức là có 2 kinh tcThọ pháp." Do đó, tính đủ là 10. J J ~

172. KINH TÂM1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm? vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo sống một mình nơi thanh vắng, tĩnh tọa tư duy, tâm khởi suy nghĩ: uAi dẫn dắt thế gian đi? Ai bị nhiễm trước? Ai phát khởi tự tại?" Thế rồi, vào lúc xế chiều, Tỳ-kheo rời nơi tĩnh tọa đi đến chỗ đức Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: - Bạch đức Thế Tôn! Khi con đang sống một mình nơi thanh vắng, tĩnh tọa tư duy, tâm khởi suy nghĩ: "Ai dẫn dắt thế gian đi? Ai bị nhiễm trước? Ai phát khởi tự tại?" Đức Thế Tôn nghe xong, khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo? đó là con đường hiền thiện, có sự quán chiếu hiền thiện, với biện tài cao siêu mới khéo tư duy rằng: "Ai dẫn dắt thế gian đi? Ai bị nhiễm trước? Ai phát khởi tự tại?" Này Tỳ-kheo, nghi vấn của thay có phải như vậy chăng? Tỳ-kheo thưa: - Bạch Thế Tôn, đúng như vậy! Đức Thế Tôn bảo: Này Tỳ-kheo! Tâm dẫn thế gian di, tâm bị nhiễm trước, tâm phát khởi tự tại. Này Tỳ-kheo? chính tâm dẫn thế gian đi, chính tâm bị nhiễm trước, chính tâm phát khởi tự tại. Này Tỳ-kheo? vị Thánh đệ tử đa văn không để tâm dẫn đi, không để tâm nhiễm trước, không để tâm tự tại. Này Tỳ-kheo? vi Thánh đệ tử đa văn không tuân theo sự tự tại của tâm, mà tâm nương theo sự tự tại của vi đó. Tỳ-kheo bạch: -Lành thay! Lành thay! Kính vâng, bạch Thế Tôn! Sau khi nghe đức Phật thuyết giảng, vị Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi: Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo đa văn được giải thích là Tỳ-kheo đa văn. Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tỳ-kheo đa văn? Trường hợp nào được tuyên bố12 là Tỳ-kheo đa văn?

1 Nguyên tác: Tâm kinh (7101. 0026.172. 0709al2). Tham chiếu: Phật thuyết ỷ kinh (Z01.0082. 0901b23);^ .4.186 - II. 177. 2 Nguyên tác: Thi thiết ()Được xác lập.
Tham chiếu: A. 4.186 - II. 177: Vuccati (được tuyên bố).

1144 KINH TRUNG A-HÀM

[0709b01] Đức Thế Tôn nghe xong, khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo9 đó là con đường hiền thiện, có sự quán chiếu hiền thiện, đó là biện tài cao siêu mới khéo tư duy: "Thua Thê Tôn! Tỳ-kheo đa văn được giải thích là Tỳ-kheo đa văn. Bạch Thê Tôn, thê nào gọi là Tỳ-kheo đa văn? Trường hợp nào được tuyên bô là Tỳ-kheo đa vn?" Này Tỳ-kheo, nghi vấn của thầy có phải như vậy chăng? Tỳ-kheo đáp: - Đúng vậy,

thưa Thế Tôn! Đức Thế Tôn bảo: Này Tỳ-kheo? những pháp được Ta giảng thuyết rất nhiều, đó là Chánh kinh, Ca vịnh, Ký thuyết, Kệ-tha, Nhân duyên, Soạn lục, Bản khởi, Thử thuyết, Sanh xứ, Quảng giải, Vi tằng hữu pháp và Thuyết nghĩa.3 Này Tỳ-kheo, nếu có người thiện nam nào chỉ nghe Ta nói bài kệ bon câu mà biết nghĩa, biết pháp, thực hành pháp và tùy pháp, thuận theo Phạm hạnh thì này Tỳ-kheo5 đó gọi là Tỳ-kheo đa văn chứ không gì hơn. Này Tỳ-kheo? như vậy là Tỳ-kheo đa văn. Như Lai tuyên bố như vậy là Tỳ-kheo đa văn. Tỳ-kheo bạch: - Lành thay! Lành thay! Kính vâng, bạch Thế Tôn! Sau khi nghe đức Phật thuyết giảng, vị Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi: Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt4 được giải thích là Tỳ- kheo đa văn có trí tuệ minh đạt. Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt? Như thế nào thì được tuyên bố là Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt? Nghe xong, Đức Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo, đó là con đường hiền thiện, có sự quán chiếu hiền thiện, đó là biện tài cao siêu mới khéo tư duy: "Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt được giải thích là Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt. Thưa Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt? Thế nào mới được tuyên bố là Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh dạt?” Này Tỳ-kheo, nghi vân của thầy có phải như vậy chăng? Tỳ-kheo đáp: - Đúng như vậy, thưa Thế Tôn? Đức Thế Tôn bảo: Này Tỳ-kheo! Nếu Tỳ-kheo nào nghe nói "Đây là kh§", liền dùng trí tuệ chân chánh thấy đúng như thật về khổ. Hoặc nghe nói về khổ tập, khổ diệt

3 Một cách trình bày khác về 12 thể tài kinh điển. Xem chú thích trong Kinh thiện pháp (số 1), tr. 5-6. 4 Đa văn Tỳ-kheo minh đạt trí tuệ (sutavā nibbedhikapaññā):
Tỳ-kheo học rộng nghe nhiều có trí tuệ thông đạt. J

và con đường đưa đến khổ diệt, liền dùng trí tuệ chân chánh thấy đúng như thật về con đường đưa đến khổ diệt. Này Tỳ-kheo! Như vậy gọi là Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt. Như Lai tuyên bô đây là Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt. Tỳ-kheo bạch: -Lành thay! Lành thay! Đúng như vậy, thưa Thế Tôn! Sau khi nghe đức Phật thuyết giảng, vị Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi: -Bạch Thế Tồn! Tỳ-kheo thông minh có trí tuệ nhạy bén, quảng bác5 được giải thích là Tỳ-kheo thông minh có trí tuệ nhạy bén, quảng bác. Bạch Thế Tôn! Thế nào là Tỳ-kheo thông minh có trí tuệ nhạy bén, quảng bác? Thế nào mới được tuyên bo là Tỳ-kheo thông minh có trí tuệ nhạy bén? quảng bác? [0709c01] Đức Thế Tôn nghe xong, khen ngợi: -Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo, đó là con đường hiền thiện, có sự quán chiếu hiền thiện, là biện tài cao siêu mới khéo tư duy: "Bạch Thế Tôn! Thế nào là Tỳ-kheo thông minh có trí tuệ nhạy bén, quảng bác? Thế nào mới được tuyên bố là Tỳ-kheo thông minh có trí tuệ nhạy bén, quảng bác?" Này Tỳ-kheo, đây là nghi vấn của thầy chăng? Tỳ-kheo đáp: - Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Đức Thế Tôn bảo: Nêu Tỳ-kheo nào không có ý niệm hại mình, không có ý niệm hại người và cũng không có ý niệm hại cả hai; Tỳ-kheo chỉ có ý niệm làm lợi h cho chính mình, làm lợi ích cho người và làm lợi ích cho nhiều người, thương xót thế gian, mong muốn cho trời và người được ý nghĩa và lợi ích, được an ổn và hân hoan, này Tỳ-kheo, như vậy gọi là Tỳ-kheo thông minh có trí tuệ nhạy bén, quảng bác.

Như Lai tuyên bố như vậy là Tỳ-kheo thông minh có trí tuệ nhạy bén, quảng bác. Tỳ-kheo bạch: - Lành thay! Lành thay! Đúng như vậy, thưa Thế Tôn! Sau khi nghe đức Phật thuyết giảng xong, Tỳ-kheo ấy khéo ghi nhớ và khéo thọ trì, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy sát chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng roi lui ra. Bấy giờ, Tỳ-kheo đó lãnh thọ lời dạy của đức Thế Tôn, sống một mình nơi thanh vắng, tâm không buông lung, siêng năng tu hành. Sau khi sống một mình nơi thanh vắng, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, Tỳ-kheo ây đã đạt

5 Thông minh Tỳ-kheo hiệt tuệ quảng tuệ ().Tham chiếu: A. 4.186 -II. 177:
Pandito mahāpañño (Tỳ-kheo thông minh với trí tuệ sắc bén biêt rõ mọi sự việc frong đời).

được mục đích mà người thiện nam đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niêm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo, chỉ mong thành tựu Phạm hạnh vô thượng, ngay trong hiện đời tự biết tự ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu an trú và biết như thật rang: "Sanh tử đã cham dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc can làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Lúc đó? Tôn giả biết pháp roi,... (cho đến) chứng đắc A-la-hán. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

173. KINH PHÙ-DI1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa thành Vương Xá, ngụ tại Trúc Lâm, vườn Calan-đa. Bấy giờ, Tôn giả Phù-di12 cũng đang ở thành Vương Xá, ngụ tại thiền thất = • . ... r

trong rừng.34Lúc ây, khi đêm đã qua, vào buôi sáng sớm, Tôn giả Phù-di đáp y, ôm bát chuẩn bi vào thành Vương Xá khất thực, nhưng rồi Tôn giả lại suy nghĩ: “Ta hãy khoan đi vào thành Vương Xá khất thực. Ta nên ghé thăm nhà Vương tử Kỳ-bà-tiên-na đồng tử."4 Rồi Tôn giả Phù-di liền đi đến nhà Vương tử Kỳ- bà-tiên-na đồng tử. [0710a05] Vương tử Kỳ-bà-tiên-na đồng tử trông thấy Tôn giả Phù-di từ xa đi đến liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai, chắp tay hướng về Tôn giả Phù-di và nói: Kính chào Tôn giả Phù-di! Đã lâu Tôn giả không đến đây. Mời ngài ngồi trên giường này. Tôn giả Phù-di liên ngôi xuông. Vương tử Kỳ-bà-tiên-na đông tử cúi lạy sát chân Tôn giả Phù-di rồi ngồi sang một bên và thưa: Thưa Tôn giả Phù-di, tôi có điều muốn hỏi, ngài cho phép tôi hỏi chăng? Tôn giả Phù-di đáp: Này Vương đồng tử! Ông muốn hỏi gì thì cứ hỏi. Tôi nghe xong sẽ suy nghĩ. Vương đồng tử liền hỏi: Thưa Tôn giả! Nấu có Sa-môn hay Phạm chí nào đi đến chỗ tôi và nói răng: "Này Vương đông tử, nêu người nào có ước nguyện và tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì vị ấy sẽ được chứng quả. Nấu người nào không ước nguyện, hoặc vừa ước nguyện vừa không ước nguyện, hoặc chẳng có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, nhung tu hành Phạm hạnh một cách

1 Nguyên tác: Phù-dỉ kinh TOI. 0026.173. 0709c22. Tham chiếu: M. 126, Bhūmija Sutta
KinhPhù-dĩ.

2 Phù-di Bhūmija, tên của một Tôn giả.

3 Nguyên tác: Vô sự thiền thất .

4 Vương tử Kỳ-bà-tiên-na đồng tử gia Jayasenassa Rājakumārassa nivesana.

chân chánh thì vị ấy cũng sẽ được chứng quả.” Tôn sư của Tôn giả có ý gì, có quan điểm gì chăng?56 Tôn giả Phù-di nói: Này Vương đồng tử, tôi chưa từng nghe chính đức Thế Tôn nói điều đó, cũng không được nghe từ các bậc Phạm hạnh nói. Nhưng này Vương đông tử, có lẽ đức Thế Tôn nói như vầy: "Nếu người nào có ước nguyện và tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì vi ấy sẽ được chứng quả. Nêu không ước nguyện, hoặc vừa ước nguyện vừa không ước nguyện, hoặc chẳng có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, nhimg tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì vị ấy cũng sẽ được chứng qu&."6 Vương đồng tử thưa: Nếu đấng Tôn sư của Tôn giả Phù-di có ý như vậy, thuyết như vậy thì trong thế gian này đối với chúng chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn? Phạm chí, từ người đến trời, Ngài là bậc Tối Thượng. Thưa Tôn giả Phù-di9 xin mời ngài ở lại thọ trai! Tôn giả Phu-di im lặng nhận lời. Sau khi Vương đồng tử biết Tôn giả Phù- di đã nhận lời roi, liền từ chỗ ngoi đứng dậy tự đi lấy nước rửa, roi tự tay dâng lên những món ăn thanh tịnh, thơm ngon với đủ loại cứng và mềm, mong Tôn giả thọ thực no đủ. Thọ trai xong, thu dọn bát, lấy nước rửa tay, roi Vương đong tử lấy chiếc ghe nhỏ ngoi riêng bên cạnh nghe pháp. Tôn giả Phù-di vì Vương đồng tử mà thuyết giảng các pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.7 Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho Vương đồng tử nghe,

5 Câu hỏi và câu trả lời trong bản Hán giống hệt nhau. Bản Pâli không như vậy. Tham chiếu: M. 126: Asañcepi karitvā brahmacariyam caranti, abhabbā phalassa adhigamāya; anāsañcepi karitvā brahmacariyarn caranti, abhabbā phalassa adhigamāya; āsañca anāsañcepi karitvā brahmacariyam caranti, abhabbā phalassa adhigamāya; nevāsam nānāsañcepi karitvā brahmacariyarn caranti, abhabbā phalassa adhigamāya 'tì. (Nếu có ước nguyện hành Phạm hạnhthời không đạt được quả vị; nếu không có ước nguyền hành Phạm hạnh, thờizkhông đạt được quả VỊ nêu có và khòng có ươc nguyện hành Phạm hạnh, thơi không đạt được quả vị; nếu khổng có và không không có ước nguyện hànhPhạm hạnh, thời khống đạt được quả vị), HT.Thich Minh Chau dịch. 6 Tham chiếu: M. 126:Āsañcepi karitvā ayoniso brahmacariyam caranti, abhabbāphalassa adhigamāya anāsañcepi karitvā ayoniso brahmacariyam caranti, abhabbāphalassa adhigamāya; āsañca anāsañcepi karitvā ayoniso brahmacariyam caranti, abhabbā phalassa adhigamāya; nevāsam nānāsañcepi karitvā ayoniso brahmacariyam caranti, abhabbā phalassa adhigamāya. Āsañcepi karitvā yoniso brahmacariyam caranti, bhabbā phalassa adhigamāya anāsañcepi karitvā yoniso brahmacariyam caranti, bhabbā phalassa adhigamāya; āsañca anāsañcepi karitvā yoniso brahmacariyam caranti, bhabbā phalassa adhigamāya; nevāsarn nānāsañcepi karitvā yoniso brahmacariyam caranti, bhabbā

phalassa adhigamāya 'ti. (Nêu có ước nguyện, hành Phạm hạnh không chánh đáng, thời không đạt được quả vị; nếu không có ước nguyện, hành Phạm hạnh không chánh đáng, thời khòng đạt được quả vị; nêu có và không có ước nguyện, hành Phạm hạnh không chánh đáng, thời không đạt được quả vị; nếu không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh không chanh đáng, thơi không đạt được quả vị. Còn nếu có ươc nguyền, hành Phạm hạnh một cách chánh đang, thời đạt được quả vị; nếu khòng có ước nguyện, hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt đirợc quả vị; nếu có và không có ước nguyện, hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị; nêu khòng có và không không có ươc nguyện, hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị), HT.Thích Minh Châu dịch. [Nguyên tác: Khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ ().Xem chú thích 7, kinh số 9, tr. 48.

173. KINH PHÙ-DI 1149

rồi mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ xong, Tôn giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Tôn giả đi đến chỗ đức Phật, cúi lạy sát chân Ngài, ngồi sang một bên và đem hết sự việc vừa bàn luận với Vương đồng tử trình lên đức Phật. [0710b02] Nghe xong, đức Thế Tôn bảo: Này Phù-di9 vì sao thầy không dùng bốn ví dụ nói cho Vương đồng tử rõ? Tôn giả Phù-di hỏi: Bạch Thế Tôn! Bốn ví dụ ấy là những gì? Đức Thế Tôn đáp: Này Phù-di! Nấu Sa-môn hay Phạm chí nào có tà kiến và đinh tà kiến,8 vi ấy có ước nguyện, nhtrng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì nhất định không the chứng quả. Nếu người ấy không ước nguyện, hoặc vừa ước nguyện vừa không ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì nhất định không the chứng quả. Vì sao như vậy? Vì họ tìm cầu quả vị bằng phương cách tà vạy5 không đúng đường lối. Này Phù-di! Ví như có người muốn lấy sữa mà lại vắt sữa nơi sừng con bò thì sẽ không bao giờ lấy được sữa. Hoặc người kia không muốn lấy sữa, hoặc vừa muốn lấy sữa, vừa không muốn lấy sữa, hoặc chẳng phải muốn lấy sữa chẳng phải không muốn lấy sữa mà lại vắt sữa nơi sừng con bò thì sẽ không bao giờ có được sữa. Vì sao như vậy? Vì tìm cầu sữa một cách sai lầm, đó là vắt sữa nơi sừng con bò. Cũng vậy, này Phù-di! Nếu Sa-môn hay Phạm chí nào có tà kiến và định tà kiến, người ấy có ước nguyện nhimg tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì nhất định không thể chứng quả. Nếu như vị ấy không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện hoặc vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì sẽ không bao giờ được chứng quả. Vì sao như vậy? Vì tìm cầu quả vi bằng phương cách tà vạy, không đúng đường lối. Này Phù-di! Nêu Sa-môn hay Phạm chí nào có chánh kiên và định chánh kiến, vị ấy có ước nguyện và tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì nhất định sẽ được chứng quả. Nếu người ấy có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì nhất định sẽ được chứng quả. Vì sao như vậy? Vì vị ấy tìm càu quả vị bằng phương cách chân chánh, theo đúng đường lối. Này Phù-di! Ví như có người muốn lấy sữa nên cho bò ăn no nê rồi vắt sữa nơi vú của bò thì chắc chắn sẽ lấy được sữa. Nếu người kia không muôn lây sữa hoặc vừa muôn lây sữa vừa không muôn lây sữa, hoặc chẳng phải muốn

lấy sữa chẳng phải không muốn lấy sữa, nhưng vẫn cho

8 Tà kiến, tà kiến định .M. 126 nêu 8 tà chi, từ tà kiến cho đến tà định.

bò ăn no nê rồi vắt sữa nơi vú của bò thì chắc chắn sẽ lấy được sữa. Vì sao như vậy? Vì tìm sữa đúng vị trí, đó là vắt sữa nơi vú con bò. Cũng vậy, này Phù-di! Nếu Sa-môn hay Phạm chí nào có chánh kiến và đinh chánh kiến, người ây có ước nguyện và tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì nhất định sẽ được chứng quả. Nếu người ấy không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chăng phải có ước nguyện chăng phải không có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì nhất định cũng được chứng quả. Vì sao như vậy? Vì vị ấy tìm cầu quả vị bằng phương cách chân chánh, là theo đúng đường lối. Này Phù-di! Nếu Sa-môn hay Phạm chí nào có tà kiến và định tà kiến, người ấy có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì nhát định không thể chứng quả. Hoặc người ấy không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì nhất định không thể chứng quả. Vì sao như vậy? Vì tìm cầu quả vi bằng phương cách tà vạy, là không đúng đường lối. Này Phù-di5 ví như có người muốn có váng sữa mà lại lấy bình đựng đầy nước lã, rồi khuấy đều lên thì chắc chắn không thể có váng sữa. Hoặc người kia không muốn có váng sữa, hoặc vừa muôn có váng sữa vừa không muôn có váng sữa, hoặc chăng phải muôn có váng sữa chăng phải không muôn có váng sữa mà lại lây bình đựng đây nước lã rồi khuấy đều lên thì chắc chắn không thể có váng sữa được. Vì sao như vậy? Vì mong được váng sữa nhưng lại làm sai cách, đó là khuấy nước lã. Cũng vậy, này Phù-di9 nếu Sa-môn hay Phạm chí nào có tà kiến và định tà kiến, người ấy có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì nhất đinh không thê chứng quả. Hoặc người ấy không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì nhất định không thể chứng quả. Vì sao như vậy? Vì tìm cầu quả vị bằng phương cách tà vạy, là không đúng đường lối. [07l0c08] Này Phù-di! Nếu Sa-môn hay Phạm chí nào có chánh kiến và định chánh kiến, người ấy có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì nhất định sẽ được chứng quả. Hoặc người ấy không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì nhất định cũng được chứng quả. Vì sao như vậy? Vì tìm cầu quả vị băng phương cách chân chánh, là theo đúng đường lối. Này Phù-di, ví như có ngươi muốn có váng sữa nên lấy bình đựng đầy sữa rồi khuấy đều lên thì chác chăn sẽ được váng sữa. Dù vi ấy không muốn có váng sữa, hoặc vừa muốn có váng sữa vừa không muốn có váng sữa, hoặc chẳng phải muốn có váng sữa chăng phải không muôn có váng sữa, nhưng lây bình đựng đầy sữa, rồi khuấy đều lên thì chắc chan sẽ có được váng sữa. Vì sao như vậy? Vì làm đúng cách

nên có váng sữa, đó là khuấy sữa. Cũng vậy, này Phù-di9 nếu Sa-môn hay Phạm chí nào có chánh kiến và đinh chánh kiến, người ấy có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì nhất định sẽ được chứng quả. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chăng phải không có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì nhất định cũng sẽ chứng quả. Vì sao như vậy? Vì tìm cầu quả vị bằng phương cách chân chánh, là theo đúng đường lối. Này Phù-di! Nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào có tà kiến, định tà kiến, người ấy có ước nguyện, nhimg tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì nhất định không thể chứng quả. Hoặc người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì nhất định không thể chứng quả. Vì sao như vậy? Vì tìm cầu quả vị bằng phương cách tà vạy, là không đúng đường lối. Này Phù-di, ví như có người muốn được dầu mà lại lấy cát đổ vào đầy bình, rồi rưới nước lạnh vào ngâm, sau đó đem ra ép thì chác chăn không có được dâu. Hoặc người ây không muôn được dâu, hoặc vừa muốn được dầu vừa không muốn được dầu, hoặc chẳng phải muốn được dâu chăng phải không muôn được dâu, nhưng lại lây cát cho vào đây bình roi đổ nước lạnh vào ngâm, rồi đem ra ép thì chắc chắn không có được dầu. Vì sao như vậy? Vì mong được dầu mà làm sai cách, đó là ép cát. Cũng vậy, này Phù-di9 nếu Sa-môn hay Phạm chí nào có tà kiến và định tà kiến, người ấy có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì nhất định không thể chứng quả. Hoặc người ấy không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì nhất đinh không thể chứng quả. Vì sao như vậy? Vì tìm cầu quả vị bằng phương cách tà vạy, là không đúng đường lối. [07lla03] Này Phù-di! Nếu Sa-môn hay Phạm chí nào có chánh kiến và đinh chánh kiến, người ấy có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì nhất định sẽ được chứng quả. Nếu người ấy không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì nhất định sẽ được chứng quả. Vì sao như vậy? Vì tìm cầu quả vi bằng phương cách chân chánh, là theo đúng đường lối. Này Phíi-di, ví như người muốn có dầu nên bỏ hạt mè vào đầy bình, roi đo nước sôi vào ngâm cho chín mè, sau đó đem ép thì sẽ có được dầu. Hoặc người ấy không muốn có dầu, hoặc vừa muôn có dâu vừa không muôn có dâu, hoặc chăng phải muôn có dâu chăng phải không muôn có dâu, nhtmg vân đô hạt mè vào đây bình, roi đô nước sôi vào ngâm cho chín mè, sau đó mới đem ép thì chắc chắn có được dầu. Vì sao như vậy? Vì có được dầu là nhờ làm đúng cách, đó là ép hạt mè. Cũng vậy? này Phù-di, nếu Sa-môn hay Phạm chí nào có chánh kiến và định chánh kiên,

người ây có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì nhát định sẽ chứng quả. Nếu người ấy không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chăng phải có ước nguyện chăng phải không có ước nguyện, nhưng tu Phạm hạnh một cách chân chánh thì nhát định sẽ được chứng quả. Vì sao như vậy?

Vì tìm cầu quả vi bằng phương cách chân chánh, là theo đúng đường lối. Này Phù-di! Nếu Sa-môn hay Phạm chí nào có tà kiến và định tà kiến, người ấy có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì nhát định không thể chứng quả. Nếu người ấy không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chăng phải có ước nguyện chăng phải không có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì nhát định không thể chứng quả. Vì sao như vậy? Vì tìm cầu quả vi một cách tà vạy, là không đúng đường lối. Này Phù-di, ví như người muốn có lửa, nhưng lại lấy củi ướt làm mồi lửa, dùnệ củi ướt làm dùi thì chắc chắn không có được lửa. Hoặc người ấy không muốn có lửa, hoặc vừa muốn có lửa vừa không muốn có lửa, hoặc chẳng phải muốn có lửa chẳng phải không muốn có lửa, nhưng lại lấy củi ướt làm mồi lửa, dùng dùi ướt mà dùi thì chắc chắn không có được lửa. Vì sao như vậy? Vì moi lửa không đúng cách, đó là sử dụng củi ướt. Cũng vậy, này Phù-di, nếu Sa-môn hay Phạm chí nào có tà kiến và đinh tà kiến, người ấy có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì nhất đinh không the chứng quả. Nêu không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì nhất đinh không được chứng quả. Vì sao như vậy? Vì tìm cầu quả vị bằng phương cách tà vạy, là không đúng đường lối. Này Phù-di! Nêu Sa-môn hay Phạm chí nào có chánh kiên và định chánh kiến, người ấy có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì nhát định sẽ chứng quả. Nêu không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì nhất đinh sẽ chứng quả. Vì sao như vậy? Vì tìm cầu quả vị bằng phương cách chân chánh, là theo đúng đường lối. Này Phù-di, ví như người muốn có lửa, liền lấy củi khô làm moi lửa, dùng củi khô mà dùi thì chắc chắn có được lửa. Hoặc người ấy không muôn có lửa, hoặc vừa muôn có lửa vừa không muốn có lửa, hoặc chẳng phải muôn có lửa chẳng phải không muốn có lửa, nhưng lấy củi khô làm mồi lửa, dùng củi khô mà dùi thì chắc chắn có được lừa. Vì sao như vậy? Vì mồi lửa đúng cách, là dùi củi khô. Cũng vậy, này Phù-di, nếu Sa-môn hay Phạm chí nào có chánh kiến và đinh chánh kiến, người ấy có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì chác chăn sẽ chứng quả. Nếu người ấy không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chăng phải không có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một

cách chân chánh thì nhất định sẽ được chứng quả. Vì sao như vậy? Vì tìm cầu quả một cách chân chánh, là đi đúng đường lối. [0711b09] Này Phu-di! Nếu thầy nói bốn ví dụ này cho Vương đồng tử nghe, sau khi Vương đồng tử nghe xong, chắc chắn sẽ rất hoan hỷ, cúng dường cho thầy đến suốt đời các vật dụng nuôi sống như y áo, món ăn thức uống, ngọa cụ và thuôc thang một cách đây đủ. Tôn giả Phù-di thưa: Bạch đức The Tôn! Trước đây con chưa từng được nghe bốn ví dụ này9 thì làm sao có thể nói lại cho Vương đồng tử nghe? Thưa Thế Tôn, chỉ có hôm nay con mới được nghe chính Ngài nói ra điều đó. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Phù-di và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong

đều hoan hỷ phụng hành.

9 Nguyên tác: Tứdụ.Theo bản kinh này nói về sừng bò và nhũ bộ; nước lã và lạc; ép cát và mè; lấy dùi ướt mồi lửa và dùi khô; là dụ cho 2 cặp phạm trù là tà Phạm hạnh và chánh Phạm hạnh, được chứng quả và không được chứng quả.

174. KINH THỌ PHÁP1 (1) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Thế gian thật sự có bốn loại thọ pháp.12 Là bốn loại nào? Một là đời này thọ pháp lạc, đời sau thọ báo khổ. Hai là đời này thọ pháp khổ, đời sau thọ báo lạc. Ba là đời này thọ pháp khổ, đời sau cũng thọ báo khổ. Bốn là đời này thọ pháp lạc, đời sau cũng thọ báo lạc. Thế nào là đời này thọ pháp lạc, đời sau thọ báo khổ? Như có Sa-môn hay Phạm chí vui hưởng dục lạc với người nữ trang điểm xinh đẹp rồi tuyên bố răng: "Sa-môn, Phạm chí đôi với dục này thây những lo sợ và tai họa gì trong đời sau mà phải đoạn dứt dục và đưa ra phương pháp đoạn dục? Hơn nữa, khi xúc chạm vào thân the của người nữ trang điểm xinh đẹp này thì có cảm giác thật vui thích." Rồi vị ấy cùng với người nữ trang điểm xinh đẹp này vui hưởng dục lạc, vui đùa trong dục lạc. Vị ấy thọ pháp lạc đó, thọ hưởng đầy đủ rồi5 đến khi qua đời, thăng đên chô ác, đọa trong địa ngục, lúc ây mới khởi lên ý nghĩ: "Sa-m6n, Phạm chí kia đối với dục thấy những sự lo sợ và tai họa trong tương lai như vậy nên phải đoạn dứt dục và đưa ra phương pháp đoạn dục. Chúng ta nương theo dục? tranh với dục, duyên nơi dục nên phải chịu đau kho tột cùng như vậy, thật khổ sở biết bao!" [0711C04] Cũng như vào tháng cuối xuân, giữa trưa nắng gắt nên những trái của cây dây leo nứt vỏ rớt hạt xuống gốc cây Sa-la. Bấy giờ, vị thần cây Sa-la thây vậy rát lo sợ. Khi ây, các thân cây xung quanh, các thân của trăm thứ ngũ cốc, cây cối, cỏ thuốc, các thần cây bà con, bằng hữu, thấy nơi hạt giống này sẽ có sự tai họa và lo sợ trong tương lai như vậy nên họ đi đến chỗ thần cây kia rồi an ủi thế này: "Thần cây chớ sợ, thần cây chớ sợ! Hạt giống này dây, hoặc sẽ bi nai ăn5 hoặc bị khổng tước ăn, hoặc bi gió thổi đi, hoặc bị lửa trong thôn đốt, hoặc bị lửa trên đồng thiêu, hoặc hư nát chẳng thành hạt giống. Như vậy, này thần cây, ông sẽ được an Nếu hạt giống này không bị nai ăn, không bị khổng tước ăn? không bị gió thổi di, không bị lửa trong thôn đốt, không bị lửa trên đồng thiêu, cũng không bị hư nát khiến chẳng thành hạt giống; nếu hạt

1 Nguyên tác: Thọ pháp kinh, thượng (TOI. 0026.174. 071 lbl7). Tham chiếu: M. 45, CũỊadhammasamâdãna Sutta (Tiểu kỉnh pháp hành). 2 Tứ chủng thọ pháp (cattāri dhammasamādānānī).

giống này chẳng thối, chẳng mục, không bị vỡ nát, không bị mưa, gió, nắng làm hư hoại thì khi gặp mưa lớn thấm ướt nó sẽ nảy mầm nhanh chóng. Thần cây kia liền suy nghĩ như vầy: “Vi lý do gì mà các thần cây xung quanh, các thần của trăm thứ ngũ cốc, cây cối, cỏ thuốc, các thần cây bà con, bằng hữu, thấy nơi hạt giống này có sự sợ hãi và tai họa gì trong tương lai mà đến an ủi ta như vầy: 'Thần cây chớ sợ, thần cây chớ sợ! Hạt giống này đây, hoặc sẽ bị nai ăn, hoặc bị khổng tước ăn, hoặc bị gió thổi đi, hoặc bi lửa

trong thôn đốt, hoặc bi lửa trên đồng thiêu, hoặc hư hoại khiến chẳng thành hạt giống. Như vậy, này thân cây, ông sẽ được an 6n?'" Nhưng nêu hạt giông này không bị nai ăn, không bị khổng tước ăn? không bị gió thổi di, không bị lửa trong thôn đốt, không bị lửa trên đồng thiêu, cũng không bị hư hoại khiến chẳng thành hạt giống; hạt giống này cũng chẳng thối, chẳng mục, không bị vỡ nát, không bị mưa, gió hay nắng làm hư hoại thì khi gặp mưa lớn thấm ướt, nó sẽ nảy mầm nhanh chóng, thành thân cây, cành lá mem mại và đâm ra nhiêu nhánh nhỏ, khi xúc chạm thật thích thú. Dây này thành thân, cành, lá mềm mại và đâm ra nhiều nhánh nhỏ, xúc chạm rất thích thú, càng thích thú lại càng thích xúc chạm. Roi nương vào cây này mà cành lá nó càng to lớn, quân lây thân cây ây, che phủ ở trên. Sau khi bị che phủ ở trên roi, vị thân cây kia bây giờ mới suy nghĩ như vầy: "Các thần cây xung quanh kia và các thần của trăm thứ ngũ cốc, cây côi, cỏ thuôc, các thân cây bà con, băng hữu, thây nơi hạt giông này có sự sợ hãi và tai họa như vậy trong tương lai nên đến an ủi ta như vầy: 'Thần cây chớ sợ? thân cây chớ sợ! Hạt giông này đây, hoặc sẽ bị nai ăn, hoặc bi không tước ăn, hoặc bi gió thổi đi, hoặc bị lửa trong thôn đốt, hoặc bi lửa trên đồng thiêu, hoặc bị hư nát chẳng thành hạt giống. Như vậy, này than cây, ông sẽ được an ổn.9 Nhưng nếu hạt giống này không bi nai ăn, không bị khổng tước ăn, không bi gió thổi di, không bị thiêu bởi lửa trong thôn, không bị đốt bởi lửa trên đồng, không bi hư hại khiên chăng thành hạt giông; hạt giông này chăng thôi, chăng mục, cũng chẳng bị vỡ nát, không bị mưa, gió hay nắng làm hư hoại thì khi gặp mưa lớn thấm ướt nó liền nảy mầm nhanh chóng. Nhân vì hạt giống, duyên hạt giống mà ta phải chịu đau khổ tột cùng, thật khổ sở biết bao!" [07l2al0] Cũng vậy? nếu có Sa-môn hay Phạm chí vui hưởng dục lạc với người nữ trang điểm xinh đẹp và nói như vầy: "Sa-m6n, Phạm chí đối với dục này thấy những sự lo sợ và tai họa gì trong tương lai mà phải đoạn dứt dục và đưa ra phương pháp đoạn dục? Hơn nữa, khi xúc chạm vào thân thể của người nữ trang điểm xinh đẹp này thì có cảm giác thật khoái lạc.” Rồi vị ấy cùng với người nữ trang điểm xinh đẹp này vui hưởng trong dục lạc. Vị ấy thọ pháp lạc đó, thọ hưởng thỏa mãn rồi, đến khi qua đời, thẳng đến chỗ ác? đọa trong địa ngục, lúc ấy mới khởi lên ý nghĩ: "Sa-m6n, Phạm chí kia đối với dục này thấy những lo sợ và sự tai họa này trong tương lai nên mới đoạn dứt dục và đưa ra phương pháp đoạn dục. Chúng ta nương theo dục, tranh với dục, duyên nơi dục

nên phải chịu đau khổ tột cùng như vậy, thật khổ sở biết bao!" Đó gọi là đời này thọ pháp lạc, đời sau thọ báo khổ. Thê nào là đời này thọ pháp khô, đời sau thọ báo vui? Như người vôn có tham dục sâu nặng, sân hận sâu nặng, si mê sâu nặng; người ấy thường bị tâm tham dục thôi thúc, thường bị tâm sân hận thôi thúc, thường bị tâm si mê thôi thúc nên thọ khổ não, ưu sầu. Người ấy vì đau khổ, vì sầu muộn đến nỗi phải rơi lệ khóc than, nên trọn đời tu hành Phạm hạnh. Vị ấy thọ pháp này được thành tựu đầy đủ rồi, sau khi vị ấy qua đời, sẽ sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. Đó gọi là đời này thọ pháp khổ, đời sau thọ báo vui. Thế nào là đời này thọ pháp khổ, đời sau cũng thọ báo khổ? Như có Sa-môn hay Phạm chí lõa hình, không mặc y phục, hoặc lấy tay làm y phục, lấy lá làm y phục, lấy hạt châu làm y phục, hoặc không múc nước bằng

binh, hoặc không múc nước bằng gáo, không ăn thức ăn đâm chọc bằng dao gậy, không ăn thức ăn do lừa dối, không tự mình đến, không sai người đi, không làm khách được mời, không làm khách được chào đón, không làm khách ở lại. Nếu có hai người đang ngồi ăn5 không nên chen vào giữa ngồi ăn, không ăn ở nhà phụ nữ có thai, không ăn ở nhà có nuôi chó, không ăn ở nhà có ruồi xanh bay đến, không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu, không uống nước cặn đục, hoặc không uống gì cả, học hạnh không uống. Hoặc ăn một miếng và cho rằng một miếng là đủ; hoặc ăn hai, ba, bốn miếng cho đến bảy miếng và cho rằng bảy miếng là đủ. Hoặc nhận được thức ăn trong một bữa và cho rằng nhận được một bữa ăn là đủ. Hoặc nhận được thức ăn hai, ba, bốn cho đến bảy bữa và cho rằng bảy lần nhận được là đủ. Hoặc ngày ăn một bữa và cho rằng một bữa là đủ; hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày, nửa tháng, một tháng ăn một lần và cho rằng một lần ăn là đu. Hoặc ăn rau cải, ăn co dại, ăn gạo lua tẻ/ ăn cam, ăn gạo đau-đâu-la; hoặc ăn thức ăn thô; hoặc đến chỗ yên tĩnh, nương tựa nơi yên tĩnh; hoặc ăn rễ cây, ăn trái cây tự rụng; hoặc mặc áo khâu đủ loại vải, hoặc mặc áo lông, hoặc mặc áo đâu-xá,3 4 hoặc mặc áo đâu-xá băng lông; hoặc mặc áo toàn băng da, mặc áo da có khoét lỗ, mặc áo da khoét lỗ hoàn toàn; hoặc đe tóc xõa, đe tóc bện, để tóc vừa xõa vừa bện, có lúc cạo tóc, có lúc cạo râu, có lúc cạo cả râu lẫn tóc, có lúc nhổ tóc, có lúc nhổ râu, có lúc nhổ cả râu lẫn tóc. Hoặc chỉ đứng không ngồi, hoặc chỉ ngồi chồm hổm, hoặc nằm trên gai, lấy gai làm giường, hoặc nằm trên cỏ, lấy cỏ làm giường; hoặc thờ nước, ngày đêm lấy tay vọc nước; hoặc thờ lửa, ngày đêm đót lửa; hoặc thờ mặt trời, mặt trăng, thờ đàng Tôn Hựu Đại Bức, ngày đêm chắp tay hướng đến đó. Những việc như vậy thọ khổ vô cùng, vậy mà họ vẫn học theo hạnh nóng bức5 này. Người ấy thọ pháp này thành tựu đầy đủ rồi sau khi qua đời, sẽ sanh đến chỗ ác, đọa vào địa ngục. Đó gọi là đời này thọ khổ, đời sau cũng thọ báo khổ.

3 Nguyên tác: Tự dạng bị biến đổi. Tham chiếu: Sư tử kinh (T.01. 0026.18. 0441c29):. 4 Đầu-xá y (dussa): Vải thô. 5 Học phiền nhiệt hành ():Thực hành khổ hạnh cùng cực.

1158 KINH TRƯNG A-HÀM

[0712b22] Thế nào gọi là đời này thọ pháp lạc, đời sau cũng thọ báo lạc? Như người vốn không có tham dục sâu nặng, không sân hận sâu nặng, không ngu si sâu nặng. Vị ấy không bị tâm tham dục sai sử, không bi tâm sân hận sai sử, không bị tâm ngu si sai sử đê thọ khô não, sâu lo. Vị áy sông trong niêm vui hỷ lạc, trọn đời tu hành Phạm hạnh,... (cho đến) đạt được tâm hoan hỷ. Sau khi thọ pháp này được thành tựu đầy đủ xong, vi ấy diệt trừ năm hạ phần kiết sử, hóa sanh ở cõi kia rồi diệt độ, được pháp bất thoái, vị ấy không còn trở lại cõi đời này nữa. Đó gọi là đời này thọ pháp lạc, đời sau cũng thọ quả báo lạc. Thế gian thật sự có bốn thọ pháp như vậy, là do nhân này cho nên Ta giảng thuyết. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

175. KINH THỌ PHÁP1 (2) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Câu-lâu, tru tại thị trấn Kiếm- ma-sắt-đàm9 thuộc nước Câu-lâu.12 Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Trong thê gian này, chúng sanh có tham muôn như vây, ước

vọng như vây, yêu thích như vầy, vui sướng như vầy và ý hướng như vầy: "Mong sao các pháp không đáng ưa, không đáng thích, không vừa ý sẽ tiêu diệt. Mong sao các pháp đáng ưa? đáng thích, vừa ý được sanh ra." Chúng sanh có tham muốn như vậy, ước vọng như vậy, yêu thích như vậy? vui sướng như vậy và ý hướng như vậy, nhung các pháp không đáng ưa? không đáng thích, không vừa ý lại phát sanh, còn các pháp đáng ưa? đáng thích, vừa ý thì bị tiêu diệt. Đó gọi là pháp si. Pháp của Ta rất sâu xa, khó thấy, khó hiểu, khó thong đạt. Pháp của Ta sâu xa, khó thấy, khó hiểu, khó thông đạt như vậy, [có thể khiến]3 những pháp không đáng ưa, không đáng thích, không vừa ý tiêu diệt, còn các pháp đáng ưa, đáng thích, vừa ý được phát sanh. Đó gọi là pháp không si. Thế gian này quả thật có bốn loại thọ pháp. Là bốn loại nào? Là đời này thọ pháp lạc, đời sau thọ quả báo kho; hoặc đời này thọ pháp kho, đời sau thọ quả báo lạc; hoặc đời này thọ pháp khổ, đời sau cũng thọ quả báo khổ; hoặc đời này thọ pháp lạc, đời sau cũng thọ báo lạc. Thế nào là đời này thọ pháp lạc, đời sau chiu quả báo khổ? Như có người tự vui thích với việc sát sanh, nhân việc sát sanh mà thấy vui thích. Người ấy tự vui thh với việc trộm cướp, tà hạnh, nói dối5... (cho đến) tà kiến; nhân tà kiến mà thấy vui thích. Như vậy, thân vui thích, tâm vui thích từ việc làm bất thiện, sanh ra từ việc làm bất thiện, không hướng đến trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn. Đó gọi là đời này thọ pháp lạc, đời sau thọ báo khổ. r 9 ĩ

Thê nào là đời này thọ pháp khô, đời sau thọ quả báo lạc? Như nêu có người tự mình chịu khổ, tự mình chịu buồn, quyết từ bỏ việc sát sanh. Do từ bỏ việc sát sanh mà sanh đau khổ, buồn rầu, nhưng người ấy tự mình chịu khổ, tự mình chịu buồn, quyết từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói doi,... (cho đen) từ bỏ

1 Nguyên tác: Thọ pháp kinh, hạ (TOI. 0026.175. 0712c04). Tham chiếu: ưng pháp kinh (TOI. 0083. 0902Ò04); M. 46, Mahādhammasamādāna Sutta (Đại kinh pháp hành). 2 Xem chú thích 2-3, kinh số 10, tr. 55. 3 Tham chiếu: ưng pháp kinh (roi. 0083. 0902b 13).

tà kiến. Do từ bỏ tà kiến mà sanh đau khổ, buồn rầu. Như vậy, thân chịu khổ, tâm chịu khổ từ việc làm thiện, sanh ra từ việc làm thiện, hướng đến trí, hướng đến giác ngộ, hướng đến Niết-bàn. Đó gọi là đời này thọ pháp khổ, đời sau thọ quả báo lạc. Thê nào là đời này thọ pháp khô, đời sau cũng thọ quả báo khô? Như nêu có người tự mình bi khổ, bị buồn với việc sát sanh, do sát sanh mà sanh ra đau khổ, buồn rầu. Người ấy tự mình bi khổ, bi buồn với việc trộm cướp, tà dâm, nói dối?... (cho đến) tà kiến, do tà kiến mà sanh ra đau khổ, buồn rầu. Như vậy, thân bị khổ, tam bị khổ từ việc làm bất thiện, sanh ra từ việc lam bất thiện, không hướng đến trí, không hướng đến giác ngộ5 không hướng đến Niết-bàn. Đó gọi là đời này thọ pháp khổ, đời sau cũng thọ quả báo khổ. [0713a03] Thế nào là đời này thọ pháp lạc, đời sau cũng thọ quả báo lạc? Đó là có người tự vui thích với việc từ bỏ sát sanh, do từ bỏ sát sanh mà được vui thích. Người ấy tự vui thích với việc từ bỏ trộm cướp, tà dâm, nói dối,... (cho đến) từ bỏ tà kiến, do từ bỏ tà kiến nên thấy vui thích. Như vậy, than vui thích, tâm vui thích từ việc làm thiện, sanh ra từ việc làm thiện, hướng đến trí, hướng đến giác ngộ, hướng đến Niết-bàn. Đó gọi là

đời này thọ pháp lạc, đời sau cũng thọ quả báo lạc. Hoặc có người đời này thọ pháp lạc, đời sau thọ quả báo khô, nhưng người ấy si mê không biết đúng như thật rằng đời này thọ pháp lạc, đời sau chịu quả báo khổ. Do không biết đúng như thật nên người ấy thực hành theo pháp ấy mà không từ bỏ. Sau khi thực hành theo pháp ây mà không từ bỏ thì những pháp không đáng ưa, không đáng thích, không vừa ý phát sanh, còn các pháp đáng ưa, đáng thích, vừa ý lại diệt trừ. Cũng như cái bình đựng thuốc4 còn lại một phần màu sắc, mùi hương và vị thuốc, nhưng để lẫn với chất độc. Có người bị bệnh lấy uống, vừa mới uống cảm giác thích thú với sắc, hương và vị nên không thấy khó chịu cổ họng, nhưng khi đã vào bụng thì không còn là thuốc nữa. Cũng vậy, đời này thọ pháp lạc, đời sau thọ quả báo khổ, nhưng người ấy si mê không biết đúng như thật rằng đời này thọ pháp lạc, đời sau chịu quả báo khô. Do không biêt đúng như thật nên người ây cứ thực hành theo pháp ây mà không từ bỏ. Sau khi thực hành theo pháp ấy mà không từ bỏ thì những pháp không đáng ưa, không đáng thích, không vừa ý phát sanh, còn các pháp đáng ưa, đáng thích, vừa ý lại diệt trừ. Đó gọi là pháp si. Hoặc có người đời này thọ pháp khổ, đời sau thọ quả báo lạc, nhưng người ây ngu si không biêt đúng như thật răng đời này thọ pháp khô này, đời sau hưởng quả báo lạc. Khi đã không biết đúng như thật rồi, người ấy không thực hành theo pháp ấy mà từ bỏ. Do không thực hành theo pháp ấy mà từ bỏ nên những pháp không đáng ưa, không đáng thích, không vừa ý phát sinh, còn những pháp đáng ưa, đáng thh, vừa ý lại diệt trừ. Đó là pháp si.

4A-ma-ni-dược ().M. 46. Mahādhammasamādāna Sutta (Đại kinh pháp hành)'. Āpānīyakamsa (bình đựng nước uống).

175. KINH THỌ PHÁP 1161

Hoặc có người đời này thọ pháp khổ, đời sau cũng thọ báo khổ, song người ấy ngu si không biết đúng như thật rằng đời này thọ pháp khổ, đời sau cũng thọ quả báo kho. Do không biết đúng như thật nên người ấy cứ thực hành theo pháp ấy mà không từ bỏ. Sau khi thực hành theo pháp ấy mà không từ bỏ, những pháp không đáng ưa? không đáng thích, không vừa ý phát sanh, còn các pháp đáng ưa? đáng thích, vừa ý lại diệt trừ. Cũng như lấy phân và nước tiểu rồi hòa với thuốc độc, có người vì bệnh nên phải uống, trong khi uống cảm thấy nhơ nhớp, hôi thoi, không có mùi vị? không ngon miệng mà còn hại cổ họng; uống vào trong bụng lại chẳng thành thuốc. Cũng vậy5 đời này thọ pháp khổ này, đời sau cũng chịu quả báo khổ, song vì người ấy ngu si không biết đúng như thật rằng đời này thọ pháp khổ này, đời sau cũng thọ quả báo khổ. Do không biết : e jF r

đúng như thật nên người ây cứ thực hành theo pháp ây mà không từ bỏ. Sau khi thực hành theo pháp ấy mà không từ bỏ thì những pháp không đáng ưa, không đáng thích, không vừa ý phát sinh; còn các pháp đáng ưa5 đáng thích, vừa ý lại diệt trừ. Đó gọi là pháp si. [0713b03] Hoặc có người đời này thọ pháp lạc, đời sau cũng thọ quả báo lạc, nhưng người ấy ngu si không biết đúng như thật rằng đời này thọ pháp lạc, đời sau cũng thọ báo lạc. Do không biết đúng như thật nên người ấy không thực hành theo mà lại từ bỏ. Do không thực hành theo mà lại từ bỏ nên những pháp không đáng ưa5

không đáng thích, không vừa ý phát sanh; còn các pháp đáng ưa? đáng thích, vừa ý lại diệt trừ. Đó gọi là pháp si. Người ây không biêt đúng như thật pháp nào nên thực hành, không biêt đúng như thật pháp nào không nên thực hành. Do không biết đúng như thật pháp nào nên thực hành và không biết đúng như thật pháp nào không nên thực hành, cho nên pháp đáng thực hành mà không thực hành, pháp không đáng thực hành mà lại thực hành. Do pháp đáng thực hành mà không thực hành, pháp không đáng thực hành mà lại thực hành nên những pháp không đáng ưa5 không đáng thích, không vừa ý phát sinh; còn các pháp đáng ưa, đáng thích, vừa ý lại diệt trừ. Đó gọi là pháp si. Hoặc có pháp thọ đời này lạc, đời sau thọ quả báo khô, người có trí biêt đúng như thật rằng pháp thọ này đời này lạc mà đời sau thọ quả báo kho. Do biết đúng như thật điều đó nên không thực hành theo mà diệt trừ nó. Nhờ không thực hành theo mà diệt trừ nó nên những pháp đáng yêu, đáng thích, vừa ý phát sanh, còn những pháp không đáng yêu, không đáng thích, không vừa ý bị diệt trừ. Đó gọi là pháp tuệ. Hoặc có pháp thọ đời này khổ, đời sau thọ quả báo lạc. Người có trí biết đúng như thật rằng pháp thọ này đời này khô, đời sau thọ quả báo lạc. Do biêt đúng như thật điều đó nên liền thực hành theo mà không diệt trừ. Nhờ thực hành theo mà không diệt trừ nên những pháp đáng yêu, đáng thích, vừa ý phát sanh; còn những pháp không đáng yêu, không đáng thích, không vừa ý bị diệt

trừ. Cũng như lấy phân và nước tiểu hòa lẫn với nhiều loại thuốc, nếu có người vì bệnh nên phải uống; trong khi uống cảm thấy nhơ nhớp, hôi thoi, không có mùi vi, không ngon miệng mà còn hại cổ họng, nhirng khi đã uống vào bụng rồi liền trở thành thuốc. Cũng vậy, có pháp thọ đời này khổ mà đời sau thọ quả báo lạc, người có trí biết đúng như thật rằng pháp thọ này đời này khổ mà đời sau thọ quả báo lạc. Do biêt đúng như thật điêu đó nên liên thực hành theo mà không diệt trừ. Nhờ thực hành theo mà không diệt trừ nên những pháp đáng yêu, đáng thích, vừa ý phát sanh; còn những pháp không đáng yêu, không đáng thích, không vừa ý bị diệt trừ. Đó gọi là pháp tuệ. Hoặc có pháp thọ đời này khô, đời sau cũng thọ quả báo khô. Người có trí biết đúng như thật rằng pháp thọ này đời này khổ mà đời sau cũng thọ quả báo khổ. Do biết đúng như thật điều đó nên không thực hành theo mà diệt trừ. Nhờ không thực hành theo mà diệt trừ nên những pháp đáng yêu, đáng thích, vừa ý phát sanh; còn những pháp không đáng yêu, không đáng thích, không vừa ý bị diệt trừ. Đó gọi là pháp tuệ. Hoặc có pháp thọ đời này lạc, đời sau cũng thọ quả báo lạc, người có trí biết đúng như thật rằng pháp thọ này đời này lạc mà đời sau cũng thọ quả báo lạc. Do biết đúng như thật điều đó, người ấy liền thực hành theo mà không diệt trừ. Nhờ thực hành theo mà không diệt trừ nên những pháp đáng yêu, đáng thích, vừa ý phát sanh, còn những pháp không đáng yêu, không đáng thích, không vừa ý bị diệt trừ. Cũng như lấy váng sữa và mật hòa lẫn với nhiều loại thuốc, nếu co người vì bệnh mà phải uống, trong khi uống cảm nhận màu sắc, hương, vị đều ngon, vừa miệng mà lại không khó chịu nơi cổ họng, uống vào bụng liền trở thành thuốc. Cũng vậy, có pháp thọ đời này lạc mà đời sau cũng thọ quả báo lạc, người có trí biết đúng như thật rằng pháp thọ này đời này lạc mà đời sau cũng thọ quả báo lạc. Do biết đúng như thật điều đó, người ấy liền thực hành theo mà không

diệt trừ. Nhờ thực hành theo mà không diệt trừ nên những pháp đáng yêu, đáng thích, vừa ý phát sanh, còn những pháp không đáng yêu, không đáng thích, không vừa ý bị diệt trừ. Đó gọi là pháp tuệ. Người đó biết đúng như thật răng pháp này nên thực hành, biết đúng như thật răng pháp kia không nên thực hành. Do biết đúng như thật pháp nào nên thực hành và pháp nào không nên thực hành, cho nên vi ấy liền thực hành pháp nên thực hành, không thực hành pháp không nên thực hành. Do thực hành pháp nên thực hành, không thực hành pháp không nên thực hành, nên những pháp đáng yêu? đáng thích, vừa ý phát sanh, còn những pháp không đáng yêu, không đáng thích, không vừa ý bị diệt trừ. Đó gọi là pháp tuệ. Thế gian quả thật có bốn thọ pháp ấy, vì vậy mà Ta giảng nói. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe đức Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.5

5 Bản Hán, hết quyển 45.

176. KINH HÀNH THIỀN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Thế gian quả thật có bốn loại hành thiền. Là bốn loại nào? Hoặc có người hành thiền thăng tiến mà cho là suy thoái; hoặc có người hành thiền suy thoái mà cho là thăng tiến; hoặc có người hành thiền suy thoái thì biết đúng như thật là suy thoái; hoặc có người hành thiền thăng tiến thì biết đúng như thật là thăng tiến. Thế nào là người hành thiền thăng tiến mà cho là suy thoái? Là khi người hành thiền ấy lìa bỏ dục và các pháp bất thiện, có giác, có quán, cùng với hỷ5 lạc được sanh ra do sự viễn ly, chứng đạt và an tru Thiền thứ nhất. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Thiền thứ nhất hướng đến Thiền thứ hai, đó là sự tịch tịnh thù thắng. Nhưng người hành thiền đó lại nghi "Tâm ta đã lìa sở duyên vốn có12* rồi hướng đến chỗ khác làm mất Thiền thứ nhất và diệt mất định.^, Người hành thiên kia không biêt đúng như thật răng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ nhất hướng đến Thiền thứ hai, đó là sự tịch tịnh thù thắng." Vi ấy không biết đúng như thật như vậy nên đã thoái chuyển đối với sự như thật, tâm liền mất định. Người hành thiền như vậy là thăng tiến mà cho là suy thoái. [0714a06] Lại nữa, người hành thiền ấy đã lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đẳng thanh tịnh, có hỷ5 lạc do định sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, không giác, không quán. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Thiền thứ hai hướng đến Thiền thứ ba, đó là sự tịch tịnh thù thắng. Nhưng người hành thiền đó lại nghĩ: "Tâm ta đã lìa sở duyên vốn có và hướng đến chỗ khác làm mất Thiền thứ hai và diệt mất định/9 Người hành thiền kia không biết đúng như thật rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ hai hướng đến Thiền thứ ba, đó là sự tịch tịnh thù thắng." Vi ấy không biết đúng như thật như vậy nên đã thoái chuyển đối với sự như thật, tâm liền mất đinh. Người hành thiền như vậy là thăng tiến mà cho là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền lìa bỏ hỷ, an trú xả, với chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, chứng đạt và an tru Thiền thứ ba, điều mà bậc Thánh gọi là lạc trú trong xả và có chánh niệm. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Thiền thứ ba

1 Quyển 46. Nguyên tác: Hành thiền kỉnh (roi. 0026.176. 0713c21). 2 Bổn tướng ().Bổn tướng ở đây chính là đối tượng đang thiền quán. Đối với Sơ thiền, bổn tướng

có thể là ly dục, ly bất thiện pháp.

hướng đến Thiền thứ tư? đó là sự tịch tịnh thù thắng. Nhưng người hành thiền đó lại nghĩ rằng: "Tâm ta đã lìa sở duyên vốn có và hướng đên chô khác nên mất Thiền thứ ba và diệt mất định.95 Người hành thiền kia không biết đúng như thật rằng: uTâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ trạng thái Thiền thứ ba hướng đến Thiền thứ tư, đó là sự tịch tịnh thù thắng.” Vị ấy không biết đúng như thật như vậy nên đã thoái chuyển đối với sự như thật, tâm liền mất định. Người hành thiền như vậy là thăng tiến mà cho là suy thoái. Lại nữa, người hành thiên diệt trừ ưu và hỷ trước đó? nên buông bỏ cả khô và vui, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, một trạng thái không khổ không vui, gọi là xả niệm thanh tịnh. Tâm vi ấy tu tập chánh tư duy, từ Thiền thứ tư hướng đến Không vô biên xứ, đó là sự tịch tịnh thù thắng. Nhimg người hành thiền đó lại nghĩ ràng: "Tâm ta đã lìa sở duyên vốn có và hướng đến chỗ khác nên mất Thiền thứ tư và diệt mất định.,^ Người hành thiền kia không biết đúng như thật rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tinh, từ trạng thái Thiền thư tư hướng đến Không vô biên xứ5 đó là sự tịch tịnh thù thắng." Vị ấy không biết đúng như thật như vậy nên đã thoái chuyển đối với sự như thật, tâm liền mất định. Người hành thiền như vậy là thăng tiến mà cho là suy thoái. [0714b01] Lại nữa, người hành thiền vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không niệm tưởng tạp loạn, vào Không vô biên, thành tựu và an trú Không vô biên xứ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ trạng thái Không vô biên xứ hướng đến Thức vô biên xứ, đó là sự tịch tinh thù thắng. Nhưng người hành thiên đó lại nghĩ răng: "Tâm ta đã lìa sở duyên vôn có và hướng đên chô khác nên mất Không vô biên xứ và diệt mất djnh." Người hành thiền kia không biết đúng như thật rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ trạng thái Không vô biên xứ hướng đến Thức vô biên xứ? đó là sự tịch tịnh thù thắng." Vị ấy không biết đúng như thật như vậy nên đã thoái chuyển đối với sự như thật, tâm liên mát định. Người hành thiên như vậy là thăng tiên mà cho là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền vượt qua tất cả Không vô biên xứ, vào Thức vô biên thành tựu và an trụ Thức vô biên xứ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Thức vô biên xứ hướng đến Vô sở hữu xứ, đó là sự tịch tịnh thu thắng. Nhưng người hành thiền đó lại nghĩ rằng: "Tâm ta đã lìa sở duyên vốn có và hướng đên chỗ khác nên mất Thức vô biên xứ và diệt mất djnh.” Người hành thiền kia không biết đúng như thật rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ trạng thái Thức vô biên xứ hướng đến Vô sở hữu xứ, đó là sự tịch tịnh thù thắng." Vị ấy không biết đúng như thật như vậy nên đã thoái chuyển đối với sự như thật, tâm liền mất định. Người hành thiền như vậy là thăng tiến mà cho là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, vào Vô sở hữu thành tựu và an trụ Vô sở hữu xứ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đó là sự tịch tịnh thù thắng. Nhưng

người hành thiền đó lại nghĩ rằng: uTâm ta đã lìa sở duyên vốn có và hướng đến chỗ khác nên mất Vo sở hữu xứ và diệt mất định?9 Người hành thiền kia không biết đúng

như thật rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ trạng thái Vô sở hữu xứ hướng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đó là sự tịch tịnh thù thắng.” Vị ấy không biết đúng như thật như vậy nên đã thoái chuyển đối với sự như thật, tâm liền mất định. Người hành thiền như vậy là thăng tiến mà cho là suy thoái. Thế nào là hành thiền suy thoái mà cho là thăng tiến? Là khi người hành thiền ấy lìa bỏ dục và các pháp bất thiện, có giác, có quán, cùng với hỷ? lạc được sanh ra do sự viễn ly, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất. Vị ấy tư duy những tưởng hạn hẹp khác rồi tu tập theo con đường dẫn đến Thiền thứ hai. Người hành thiền ấy nghĩ rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ trạng thái Thiền thứ nhất hướng đến Thiền thứ hai, đó là sự tịch tịnh thù thắng.” Song, vị ấy không biết đúng như thật rằng: "Chi nên tư duy bằng tưởng tương ưng với sự nhàm chán mà vào Thiền thứ nhất, không nên tư duy những tưởng hạn hẹp khác mà vào Thiền thứ hai.” Do vi ấy không biết đúng như thật như vậy nên không biêt rõ tâm mình, liên mát định. Hành thiên như vậy là suy thoái mà cho là thăng tiến. [0714c04] Lại nữa, người hành thiền lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đăng thanh tịnh, có hỷ, lạc do định sanh, chứng đạt và an trú Thiên thứ hai, không giác, không quán. Vị ấy tư duy những tưởng hạn hẹp khác rồi tu tập theo con đường dẫn đến Thiền thứ ba. Người hành thiền ấy nghĩ rằng: “Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tinh, từ Thiền thứ hai hướng đen Thiền thứ ba, đó là sự tịch tinh thù thắng.” Song, người hành thiền ấy không biết đúng như thật rằng: "Chí nên tư duy bằng tưởng tương ưng với sự nhàm chán mà vào Thiền thứ hai, không nên tư duy những tưởng hạn hẹp khác để vào Thiền thứ ba." Do vị ấy không biết đúng như thật như vậy nên không biết rõ tâm mình, liền mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là thăng tiến. Lại nữa, người hành thiền lìa bỏ hỷ, an trú xả, với chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, chứng đạt và an tru Thiên thứ ba, điêu mà bậc Thánh gọi là lạc trú trong xả và có chánh niệm. Vị ây tư duy những tưởng hạn hẹp khác roi tu tập theo con đường dẫn đến Thiền thứ tư. Người hành thiền ấy nghĩ rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ ba hướng đến Thiền thứ tư, đó là sự tịch tịnh thù thắng.” Song, vi hành thiền ấy không biết đúng như thật rằng: "Chí nên tư duy bằng tưởng tương ưng với sự nhàm chán mà vào Thiền thứ ba, không nên tư duy những tưởng hạn hẹp khác mà vào Thiền thứ tư." Do vị ấy không biết như thật như vậy nên không biết rõ tâm mình, liền làm mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là thăng tiến. Lại nữa, người hành thiên diệt trừ ưu và hỷ trước đó, nên buông bỏ cả khô và vui, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, một trạng thái không khổ không vui,

gọi là xả niệm thanh tịnh. Vị ấy tư duy những tưởng hạn hẹp khác rồi tu tập theo con đường dẫn đến Không vô biên xứ. Vị hành thiền ấy nghĩ rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ tư hướng đến Không vô biên xứ, đó là sự tịch tịnh thù thắng." Song, vị ấy không biết đúng như thật rằng: "Chi nên tư duy bằng tưởng tương ưng với sự nhàm chán mà vào Thiền thứ tư, không nên bằng tư duy những tưởng hạn hẹp khác mà vào Không vô biên xứ.” Do vị ấy không biết đúng như thật như vậy nên không biết rõ tâm mình, liền mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là thăng tiến. Lại nữa, người hành thiền vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối

tưởng, không niệm tưởng tạp loạn, vào Không vô biên thành tựu và an trụ Không vô biên xứ. Vị ấy tư duy những tưởng hạn hẹp khác rồi tu tập theo con đường dẫn đến Thức vô biên xứ. Người hành thiền ấy nghĩ rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Không vô biên xứ hướng đến Thức vô biên xứ, đó là sự tịch tịnh thù thắng." Song, vị hành thiền ấy không biết đúng như thật rằng: "Chi nên tư duy bằng tưởng tương ưng với sự nhàm chán mà vào Không vô biên xứ, không nên tư duy những tưởng hạn hẹp khác mà vào Thức vô biên xứ." Do vi ấy không biết đúng như thật như vậy nên không biết rõ tâm mình, liền mất đinh. Người hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là thăng tiến. [0715a07] Lại nữa, người hành thiền vượt qua hết thảy Không vô biên xứ, vào Thức vô biên xứ, thành tựu và an trụ Thức vô biên xứ. Vị ấy tư duy những tưởng hạn hẹp khác rồi tu tập theo con đường dẫn đến Vô sở hữu xứ. Người hành thiền ấy liền nghĩ rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thức vô biên xứ hướng đến Vô sở hữu xứ, đó là sự tịch tịnh thù thắng.” Song, người hành thiền ấy không biết đúng như thật rằng: "Chí nên tư duy bằng tưởng tương ưng với sự nhàm chán mà vào Thức vô biên xứ, không nên tư duy những tưởng hạn hẹp khác mà vào Vô sở hữu xứ." Do vị ấy không biết đúng như thật như vậy nên không biết rõ tâm mình, liền mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là thăng tiến. Lại nữa, người hành thiền vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu và an trụ Vô sở hữu xứ. Vi ấy tư duy những tưởng hạn hẹp khác rồi tu tập theo con đường dẫn đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Người hành thiền ấy liền nghĩ rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đó là sự tịch tịnh thù thắng." Song, vị hành thiền ấy không biết đúng như thật rằng: "Chí nên tư duy bằng tưởng tương ưng với sự nhàm chán mà vào Vô sở hữu xứ, không nên tư duy những tưởng hạn hẹp khác mà vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ." Do vị ấy không biết đúng như thật như vậy nên không biết rõ tâm mình, liền mất đinh. Người hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là thăng tiến. Thê nào là hành thiên suy thoái thì biêt đúng như thật là suy thoái? Người hành thiên ây, với những gì đã thực hành, với đối tượng và mục tiêu, vị ấy đã

r

vượt qua tát cả Vô sở hữu xứ, vào cảnh giới Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thành tựu và an trụ Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhưng vị ấy không cảm thọ sự thực hành ây, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Vô sở hữu xứ, niệm tưởng những gì vốn làm cho thoái chuyển. Người hành thiền ấy liền nghĩ rằng: uTâm ta đã lìa khỏi sở duyên vốn có, lại hướng đên chô khác, làm mát Phi tưởng phi phi tưởng xứ và diệt mat dinh." Do vị ấy biết đúng như thật như vậy nên không thoái chuyển đối với sự như thật, tâm không mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái thì biết đúng như thật là suy thoái. [0715b02] Lại nữa, người hành thiền ấy, với những gì đã thực hành, với đối tượng và mục tiêu, vị ấy đã vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, vào cảnh giới Vô sở hữu xứ, thành tựu và an trụ Vô sở hữu xứ, nhung vị ấy không cảm thọ sự thực hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy mà chỉ thực hành

những gì tương ưng với Thức vô biên xứ, niệm tưởng những gì vốn làm cho thoái chuyển. Người hành thiền ấy liền nghĩ rằng: "Tâm ta đã lìa khỏi sở duyên vốn co, lại hướng đến chỗ khác, làm mất Vô sở hữu xứ và diệt mất djnh.” Do vị ấy biết đúng như thật như vậy nên không thoái chuyển đối với sự như thật, tâm không mát định. Hành thiên như vậy là suy thoái biêt đúng như thật là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền ấy, với những gì đã thực hành, với đối tượng và mục tiêu, vị ấy vượt qua tất cả Không vô biên xứ, vào Thức vô biên xứ, thành tựu và an trụ Thức vô biên xứ, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành ấy, không suy niệm vê đôi tượng và mục tiêu ây mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Không vô biên xứ, niệm tưởng những gì vôn làm cho thoái chuyên. Người hành thiền ấy nghĩ rằng: "Tâm ta đã lìa khỏi sở duyên vốn có, lại hướng đến chỗ khác, làm mất Thức vô biên xứ và diệt mất djnh." Do vị ấy biết đúng như thật như vậy nên không thoái chuyên đôi với sự như thật, tâm không mát định. Người hành thiền như vậy là suy thoái biết đúng như thật là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền ấy, với những gì đã thực hành, với đối tượng và mục tiêu, vị ấy vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không niệm tưởng tạp loạn, vào Không vô biên xứ, thành tựu và an trụ Không vô biên xứ, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy mà chỉ thực hành những gì tương ưng với sự ái lạc sắc, niệm tưởng những gì vốn làm cho thoái chuyển. Người hành thiền ấy liền nghĩ rằng: "Tâm ta đã lìa khỏi sở duyên vốn có5 lại hướng đến chỗ khác, làm mất Không vô biên xứ và diệt mất djnh." Do vị ấy biết đúng như thật như vậy nên không thoái chuyển đối với sự như thật, tâm không mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái biết chắc là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền ấy, với những gì đã thực hành, với đối tượng và mục tiêu, vi ấy đã diệt trừ ưu và hỷ trước đó5 nên buông bỏ cả khổ và vui, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, một trạng thái không khổ không vui, gọi là xả niệm

thanh tịnh, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Thiền thứ ba, niệm tưởng những gì vốn làm cho thoái chuyển. Người hành thiền ấy nghĩ rằng: "Tâm ta đã lìa khỏi sở duyên vốn có, lại hướng đến chỗ khác, làm mất Thiền thứ tư và diệt mất djnh." Do vi ấy biết đúng như thật như vậy nên không thoái chuyển đối với sự như thật, tâm không mất định. Người hành thiền như vậy là suy thoái biết chắc là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền ấy, với những gì đã thực hành, với đối tượng và mục tiêu, vị ấy đã lìa bỏ hỷ, an tru xả, với chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, điều mà bậc Thánh gọi là lạc trú trong xả và có chánh niệm, nhưng vi ấy không chấp thủ sự thực hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Thiền thứ hai, niệm tưởng những gì vốn làm cho thoái chuyển. Người hành thiền ấy liền nghĩ rằng: "Tâm ta đã lìa khỏi sở duyên vốn c6, lại hướng đến chỗ khác, làm mất Thiền thứ ba và diệt mất định.55 Do vị ấy biết đúng như thật như vậy nên không thoái chuyên đôi với sự như thật, tâm không mát định. Người hành thiền như vậy là suy thoái biết chắc là suy thoái. [07l5c06] Lại nữa, người hành thiền ấy, với những gì đã thực hành, với đôi tượng và mục tiêu, vị ây đã lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đăng thanh tịnh, có hỷ, lạc do định sanh, chứng đạt và an trủ Thiền thứ

hai, không giác, không quán, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành ấy, không suy niệm về đôi tượng và mục tiêu ây mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Thiên thứ nhất, niệm tưởng những gì vốn làm cho thoái chuyển. Người hành thiền ấy liền nghĩ rằng: "Tâm ta đã lìa khỏi sở duyên vốn có, lại hướng đến chỗ khác, làm mất Thiền thứ hai và diệt mất djnh." Do vị ấy biết đung như thật như vậy nen không thoái chuyển đối với sự như thật, tâm không mất định. Người hành thiền như vậy suy thoái là biết đúng như thật là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền ấy, với những gì đã thực hành, với đối tượng và mục tiêu, vi ấy đã lìa dục, lìa pháp ác, bất thiện, có giác, có quán, được hỷ lạc do lìa dục sanh, chứng được Thiền thứ nhất, thành tựu và an trú, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy mà chỉ thực hành những gì tương ưng với dục lạc, niệm tưởng những gì vốn làm cho thoái chuyển. Người hành thiền ấy liền nghĩ rằng: “Tâm ta đã lìa khỏi sở duyên vốn có, lại hướng đến chỗ khác, làm mất Thiền thứ nhất và diệt mất djnh." Do vị ấy biết đúng như thật như vậy nên không thoái chuyển đối với sự như thật, tâm không mất định. Người hành thiền như vậy suy thoái là biết đúng như thật là suy thoái. Thế nào là hành thiền thăng tiến thì biết đúng như thật là thăng tiến? Là khi người hành thiền ấy lìa dục, lìa pháp ác, bất thiện, có giác, có quán, được hỷ lạc do lìa dục sanh, chứng được Thiền thứ nhất, thành tựu và an tru. Tâm vị

ấy tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ nhất hướng đến Thiền thứ hai, đó là sự tịch tịnh thù thắng. Người hành thiền ấy liền nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tinh, từ Thiền thứ nhất hướng đến Thiền thứ hai, đó là sự tịch tịnh thù thang.99 Do vị ấy biết đúng như thật như vậy liền biết rõ tâm mình, không làm mất định. Hành thiền như vậy là thăng tiến thì biết đúng như thật là thăng tiến, Lại nữa, người hành thiền lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đẳng thanh tịnh, có hỷ, lạc do định sanh, chứng đạt và an tru Thiền thứ hai, không giác, không quán. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ hai hướng đến Thiền thứ ba, đó là sự tịch tịnh thù thắng. Người hành thiền ấy liền nghĩ: "Tâm mình tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ hai hướng đến Thiền thứ ba, đó là sự tịch tinh thù th^ng.” Do vị ấy biết đúng như thật như vậy, liền biết rõ tâm mình, không làm mất định, người hành thiền như vậy là thăng tiến thì biết đúng như thật là thăng tiến. [0716a04] Lại nữa, người hành thiền đã lìa bỏ hỷ, an trú xả, với chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, chứng đạt và an tru Thiền thứ ba, điều mà bậc Thánh gọi là lạc trú trong xả và có chánh niệm. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ ba hướng đến Thiền thứ tư, đó là sự tịch tịnh thù thắng. Người hành thiền ấy liền nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, tư Thiền thứ ba hướng đến Thiền thứ tư, đó là sự tịch tịnh thù tpắng." Do vị ấy biết đúng như thật như vậy, liền biết rõ tâm mình, không làm mất định. Người hành thiền như vậy là thăng tiến thì biết đúng như thật là thăng tiến. Lại nữa, người hành thiền đã diệt trừ ưu và hỷ trước đó, nên buông bỏ cả 9 . A* M khô và vui, chứng đạt và an trú Thiên thứ tư, một trạng thái không khô không vui, gọi là xả niệm thanh tịnh. Tâm vi ấy tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ tư hướng đến Không vô biên xứ, đó là sự tịch tinh thù thắng. Người hành thiền ấy liền nghĩ:

"Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ tư hướng đến Không vô biên xứ5 đó là sự tịch tịnh thù thắng.,, Do vị ấy biết đúng như thật như vậy, liên biêt rõ tâm mình, không làm mát định. Người hành thiền như vậy là thăng tiến thì biết đúng như thật là thăng tiến. Lại nữa, người hành thiên vượt qua tát cả sác tưởng, diệt hữu đôi tưởng, không niệm tưởng tạp loạn, vào Không vô biên xứ, thành tựu và an trụ Không vô biên xứ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Không vô biên xứ hướng đến Thức vô biên xứ, đó là sự tịch tịnh thù thắng. Người hành thiền ấy liền nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Không vô biên xứ hướng đến Thức vô biên xứ, đó là sự tịch tịnh thù thgng." Do vị ấy biết đúng như thật như vậy, liền biết rõ tâm mình, không làm mất đinh. Người hành thiền như vậy là thăng tiến thì biết đúng như thật là thăng tiến. Lại nữa, người hành thiền vượt qua Không vô biên xứ, vào Thức vô biên xứ, thành tựu và an trụ Thức vô biên xứ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, an lạc

tịch tịnh, từ Thức vô biên xứ hướng đến Vô sở hữu xứ5 đó là sự tịch tịnh thù thắng. Người hành thiền ấy lại nghĩ: “Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tinh, tư Thức vô biên xứ, hướng đến Vo sở hữu xứ, đó là sự tịch tinh thù [hắng.” Do vi ấy biết đúng như thật như vậy, liền biết rõ tâm mình, không làm mất định. Người hành thiền như vậy là thăng tiến thì biết đúng như thật là thăng tiến. Lại nữa, người hành thiền vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu và an trụ Vô sở hữu xứ. Tâm vị ây tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đó là sự tịch tịnh thù thắng. Người hành thiền ấy liền nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, trạng thái an lạc tịch tịnh, từ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đó là sự tịch tịnh thù thang." Do vị ấy biết đúng như thật như vậy, liền biết rõ tâm mình, không làm mất định. Người hành thiền như vậy là thăng tiến thì biết đúng như thật là thăng tiến. Thế gian quả thật có bốn loại hành thiền này, vì thế nên Ta giảng thuyết. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

177. KINH THUYET1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa giữa dân chúng Câu-lâu, ngụ tại thị trấn Kiếm- ma-sắt-đàm, thuộc nước Câu-lâu. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Ta sẽ thuyết pháp cho các thầy nghe, pháp ấy phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần cuối cũng vi diệu, có nghĩa có văn? hoàn toàn thanh tịnh, hiển bày Phạm hạnh, gọi là Kinh tứ chủng thuyết. Ta sẽ phân tích nghĩa lý của Kinh tứ chủng thuyết, các thây hãy lăng nghe, hãy lăng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ giảng nói! Các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy: Thê nào gọi là phân tích nghĩa lý Kỉnh tứ chủng thuyêfỉ Nếu có Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nhằm hướng đến lìa bỏ dục và các pháp bất thiện, có giác, có quán, cùng với hỷ, lạc được sanh ra do sự viễn ly5 chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành ấy, không suy niệm trên đối tượng và mục đích ấy mà chỉ thực hành những gì tương ưng với dục lạc, niệm tưởng những điều đưa đến thoái chuyển thì Tỳ-kheo ấy phải nên biết rằng: "Trong ta phát sanh pháp này, khiến không an trú, không thăng tiến, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này nên khiến ta bị

thoái chuyển, do đó, định này của ta không tồn tại lâu dài." Tỳ-kheo ấy phải nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nhăm hướng đên lìa bỏ dục và các pháp bát thiện, có giác, có quán, cùng với hỷ? lạc được sanh ra do sự viên ly, chứng đạt và an trú Thiên thứ nhát. Vị ây thọ lãnh sự thực hành này, suy niệm trên đoi tượng và mục đích này, lập niệm đúng như pháp, khiến an trú với ý chuyên nhất. Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Trong ta phát sanh pháp này, khiến không thoái chuyển, không thăng tiến, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này có the khiến ta được an trú, do đó, đinh này của ta chắc chắn tồn tại lâu dai." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. [07l6c03] Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nhằm hướng đến lìa bỏ dục và các pháp bất thiện, có giác, có quán,

1 Nguyên tác: Thuyết kinh (roi. 0026.177. 0716b13). Trong nội dung kinh, đức Phật định danh bản kinh này là Tứ chủng thuyêt kinh ().

cùng với hỷ, lạc được sanh ra do sự viễn ly, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Thiền thứ hai, niệm tưởng những gì đưa đến sự thăng tiến thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyển, không an tru, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta được thăng tiến, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng đắc Thiền thứ hai.” Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nhằm hướng đến lìa bỏ dục và các pháp bất thiện, có giác, có quán, cùng với hỷ, lạc được sanh ra do sự viễn ly, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với tịch diệt, niệm tưởng những gì đưa đến vô dục thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Trong ta phát sanh pháp này nên không thoái chuyển, không an trú, cũng không thăng tiến. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta nhàm chán, như vậy không bao lâu nữa ta sẽ chứng quả, sạch hết phiền não.99 Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nham hướng đen lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đẳng thanh tịnh, có hỷ, lạc do đinh sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, không giác, không quán, nhimg vi ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Thiền thứ nhất, niệm tưởng những gì không đưa đến sự thoái chuyển thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Trong ta phát sanh pháp này, khiến không an trú, không thăng tiến, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này nên khiến ta bị thoái chuyển, do đó, định này của ta không tồn tại lâu dài." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nhăm hướng đên lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đăng thanh tịnh, có hỷ, lạc do định sanh, chứng đạt và an tru Thiền thứ hai, không giác, không quán, vị ấy thọ lãnh sự thực hành này, suy niệm trên đối tượng và mục đích này, lập niệm đúng như pháp, an trú với ý chuyên nhất thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Trong ta

phát sanh pháp này, khiến không thoái chuyển, không thăng tiến, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này có thể khiến ta được an tru, do đó, định này của ta chắc chan tồn tại lâu dài." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nham hướng đến lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đẳng thanh tịnh, có hỷ, lạc do định sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, không giác, không quán, nhưng vị ây không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Thiền thứ ba, niệm tưởng những gì đưa đến sự thăng tiến thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyển, không an trú, cũng không nhàm chán.

177. KINH THUYẾT 1173

Trong ta phát sanh pháp này khiến ta được thăng tiến, như vậy không bao lâu nữa ta sẽ chứng đắc Thiền thứ ba." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. [0717a03] Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nhằm hướng đến lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đẳng thanh tịnh, có hỷ, lạc do đinh sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, không giác, không quán, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với sự tịch diệt, niệm tưởng những gì đưa đến sự vô dục thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyển, không an trú, cũng không thăng tiến. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta nhàm chán, như vậy không bao lâu nữa ta sẽ chứng quả sạch hết phiền nâk)." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nhằm hướng đến lìa bỏ hỷ, an trú xả, với chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, điều mà bậc Thánh gọi là lạc trú trong xả và có chánh niệm, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đoi tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Thiền thứ ba, niệm tưởng những gì đưa đến sự thoái chuyển thì Tỳ- kheo ấy nên biết rằng: "Trong ta phát sanh pháp này khiến không an trú, không thăng tiên, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này khiên ta bị thoái chuyển, do đó định này của ta không tồn tại lâu dài." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nhằm hướng đến lìa bỏ hỷ, an trú xả, với chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, chứng đạt và an tru Thiền thứ ba, điều mà bậc Thánh gọi là lạc trú trong xả và có chánh niệm, vị ấy thọ lãnh sự thực hành này, suy niệm trên đối tượng và mục đích này, lập niệm đúng như pháp, an trú với ý chuyên nhất thì Tỳ- kheo ấy nên biết rằng: "Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyển, không thăng tiến, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này nên ta được an trú, do đó định này của ta chắc chắn tồn tại lâu dài." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ"kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nhằm hướng đến lìa bỏ hỷ5 an trú xả, với chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, điều mà bậc Thánh gọi là lạc trú trong xả và có chánh niệm, nhưng vi ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Thiền thứ tư, niệm tưởng những gì đưa đến sự thăng tiến thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Trong ta

phát sanh pháp này mà không thoái chuyển, không an trú, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này nên ta được thăng tiên, như vậy không bao lâu nữa ta sẽ chứng đắc Thiền thứ tư.” Tỳ-kheo ấy nên biêt như vậy.

1174 KINH TRUNG A-HÀM

Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nhằm hướng đến lìa bỏ hỷ, an tru xả5 với chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, điều mà bậc Thánh gọi là lạc trú trong xả và có chánh niệm, nhimg vị ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với sự tịch diệt, niệm tưởng những gì đưa đên sự vô dục thì Tỳ-kheo ây nên biêt rằng: "Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyển, không an trú, cũng không thăng tiến. Trong ta phát sanh pháp này nên khiến ta nhàm chán, như vậy không bao lâu ta nữa sẽ chứng quả, sạch hết phiền nao?9 Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. [0717b06] Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nhăm hướng đên diệt trừ ưu và hỷ trước đó, nên buông bỏ cả khô và vui, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, một trạng thái không khổ không vui, gọi là xả niệm thanh tịnh, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Thiền thứ ba, niệm tưởng những gì đưa đến sự thoái chuyển thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Trong ta phát sanh pháp này khiến không được an trú, không thăng tiến, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta bi thoái chuyển, do đó định này của ta không tồn tại lâu dài." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nhàm hướng đến diệt trừ ưu và hỷ trước đó5 nên buông bỏ cả khổ và vui, chứng đạt và an tru Thiền thứ tư, một trạng thái không khổ không vui, gọi là xả niệm thanh tịnh, vi ấy thọ lãnh sự thực hành này, suy niệm trên đối tượng và mục đích này, lập niệm đúng như pháp với ý chuyên nhất thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyển, không thăng tiến, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta được an trú, do đó định này của ta chắc chắn tồn tại lâu dài.” Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nhằm hướng đen diệt trừ ưu và hỷ trước đó, nên buông bỏ cả khổ và vui, chứng đạt và an tru Thiền thứ tư, một trạng thái không khổ không vui, gọi là xả niệm thanh tịnh, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Không vô biên xứ, niệm tưởng những gì đưa đến sự thăng tiến thì Tỳ-kheo ấy nên biết răng: “Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyên, không an trú, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này nên ta được thăng tiến, như vậy không bao lâu nữa ta sẽ chứng đắc Không vô biên xứ." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nhăm hướng đến diệt trừ ưu và hỷ trước đó, nên buông bỏ cả khổ và vui, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, một trạng thái không khổ không vui, gọi là xả niệm

177. KINH THUYẾT 1175

thanh tịnh, nhung vị ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng, mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với sự tịch diệt, niệm tưởng những gì dẫn đến sự vô dục thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyển, không an trú, cũng không thăng tiến. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta nhàm chán, như vậy không bao lâu nữa ta sẽ chứng quả, sạch hết phiền nâk)." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. [0717c01] Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình mà vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không suy niệm bát cứ loại tưởng nào, vào Không vô biên xứ, thành tựu và an tru Không vô biên xứ, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với sự ưa thh sắc, niệm tưởng những gì đưa đến sự thoái chuyển thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Trong ta phát sanh pháp này mà không an trú, không thăng tiến, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta bị thoái chuyển, do đó đinh này của ta không tồn tại lâu dài." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình mà vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không suy niệm bất cứ loại tưởng nào, vào Không vô biên xứ, thành tựu và an trú Không vô biên xứ; vị ấy thọ lãnh sự thực hành này, suy niệm trên đối tượng và mục đích này, lập niệm đúng như pháp, an trú với ý chuyên nhất thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyển, không thăng tiến, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta được an trú, do đó định này của ta chắc chắn tồn tại lâu dL" Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình mà vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không suy niệm bất cứ loại tưởng nào, vào Không vô biên xứ, thành tựu và an trú Không vô biên xứ, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những tương ưng vơi Thức vo biên xứ, niệm tưởng những gì đưa đến sự thăng tiên thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyển, không an trú, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta được thăne tiến, như vậy không bao lâu nữa ta sẽ chứng đắc Thức vô biên xứ." Tỳ-kheo ây nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình mà vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không suy niệm bát cứ loại tưởng nào, vào Không vô biên xứ, thành tựu và an trú Không vô biên xứ, nhưng vị ây không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đôi tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với sự tịch diệt, niệm tưởng những gì đưa đến sự vô dục thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyển, không an tru, cũng không thăng tiên. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta nhàm chán, như vậy không bao lâu nữa ta sẽ chứng quả sạch hết phiền nO."Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

1176 KINH TRUNG A-HÀM

Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình mà vượt qua tất cả Không vô biên xứ, vào Thức vô biên xứ, thành tựu và an trụ Thức vô biên xứ, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Không vô biên xứ, niệm tưởng

những gì đưa đến sự thoái chuyên thì Tỳ-kheo ây nên biêt rằng: "Trong ta phát sanh pháp này mà không an trú, không thăng tiên, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta bị thoái chuyên, do đó định này của ta không tồn tại lâu dài.” Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. [0718a01] Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập mà vượt qua tất cả Không vô biên xứ, vào Thức vô biên xứ? thành tựu và an trú Thức vô biên xứ và vị ấy chấp thủ sự thực hành này, suy niệm trên đối tượng và mục đích này, lập niệm đúng như pháp, an trú với ý chuyên nhất thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyển, không thăng tiến, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này khiên ta được an trú, do đó định này của ta chắc chắn tồn tại lâu dài.” Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình mà vượt qua tất cả Không vô biên xứ, vào Thức vô biên xứ, thành tựu và an trú Thức vô biên xứ, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành này5 không suy niệm trên đoi tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Vô sở hữu xứ, niệm tưởng những gì đưa đến sự thăng tiến thì Tỳ-kheo ấy nên biết rang: "Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyển, không an trú, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta được thăng tiến, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng đắc Vô sở hữu X1Í." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình mà vượt qua tất cả Không vô biên xứ, vào Thức vô biên xứ, thành tựu và an tru Thức vô biên xứ, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với sự tịch diệt, niệm tưởng những gì đưa đến sự vô dục thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyển, không an tru, cũng không thăng tiên. Trong ta phát sanh pháp này khiên ta nhàm chán, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng quả, sạch hết phiền nâk)." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình mà vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu và an trú Vô sở hữu xứ, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Thức vô biên xứ, niệm tưởng những gì đưa đến sự thoái chuyển thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Trong ta phát sanh pháp này mà không an trú, không thăng tiến, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta bị thoái chuyển, do đó định này của ta không tồn tại lâu dài." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

177. KINH THUYẾT 1177

Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình mà vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu và an trú Vô sở hữu xứ và vị ấy thọ lãnh sự thực hành này, suy niệm trên đối tượng và mục đích này, lập niệm đúng như pháp, an trú với ý chuyên nhất thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyển, không thăng tiến, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta được an tru, do đó định này của ta chắc chắn tồn tại lâu dài." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục dh tu tập của mình mà vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu và an trú Vô sở hữu xứ, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên

đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Phi tưởng phi phi tưởng xứ, niệm tưởng những gì đưa đến sự thăng tiến thì Tỳ-kheo ấy nên biêt răng: "Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyên, không an trú, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta được thăng tiến, như thế không bao lâu nữa ta sẽ chứng đắc Phi tưởng phi phi tưởng Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. [0718b06] Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình mà vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu và an trú Vô sở hữu xứ, nhưng vị ây không châp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với sự nhàm chán, niệm tưởng những gì đưa đến sự vô dục thì Tỳ-kheo ấy nên biết răng: "Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyên, không an trú, cũng không thăng tiến. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta nhàm chán, như vậy không bao lâu nữa ta sẽ chứng quả, sạch hét phiên nO.” Tỳ-kheo ây nên biêt như vậy. Có tưởng và có thọ được biết ngang đến mức ấy, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ là cảnh giới tôi cao trong các hành thiên Hữu dư. Tỳ"kheo hành thiên hãy bắt đầu từ đó và thuyết giảng lại cho người khác biết. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe xong đều hoan hỷ phụng hành.2

2 Bản Hán, hết quyển 46.

178. KINH THỢ SĂN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa thành Vương Xá, ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca- lan-đa. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Khi đặt mồi để bẫy nai, người thợ săn không có tâm như vầy: "Mong cho nai được béo mập, được tốt đẹp, được sức lực, được vui sướng, được sống lâu?5 Khi đặt mồi để bẫy nai, người thợ săn có tâm như vầy: "Chỉ mong sao chúng đến gần để ăn, đã đến gần để ăn thì sẽ buông lung phóng tung, đã buông lung phóng túng thì sẽ bị lệ thuộc vào thợ săn và quyến thuộc thợ sn." Người thợ săn đặt mồi để bẫy nai với tâm như vậy. Đàn nai thứ nhất đến gần để ăn mồi của thợ săn. Sau khi chúng đến gần để ăn, liên buông lung phóng túng, roi do buông lung nên lệ thuộc vào thợ săn và quyên thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ nhất không thoát khỏi lãnh địa của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. [0718c03] Đàn nai thứ hai suy nghĩ: "Đàn nai thứ nhất đã đến gần để ăn mồi của thợ săn. Sau khi chúng đến gần để ăn, liền buông lung phóng tung, rồi do buông lung nên bị lệ thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ nhất không thoát khỏi lãnh địa của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta đừng ăn đồ ăn của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ? nương nơi rừng vắng, ăn cỏ, uống nước suối được chng?" Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ hai liền bỏ mặc mồi của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ5 nương ở nơi rừng vắng, ăn cỏ, uống nước suôi. Đên tháng cuôi mùa xuân, cỏ nước đều hêt? thân thê chúng rất gầy ốm, khí lực hao mòn, lại bi lệ thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ hai cũng không thoát khỏi lãnh địa của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Đàn nai thứ ba lại suy nghĩ: "Đàn nai thứ nhất và thứ hai đều không thoát khỏi lãnh địa của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy tránh xa thợ săn và quyến thuộc thợ săn, nương ở một nơi không xa. Khi đã nương ở một nơi không xa rồi, hãy ăn mồi của thợ săn mà đừng đến gần5 đã ăn mà không đến gần thì không buông lung phóng túng, do không buông lung phóng túng nên không bị lệ thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ san." Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ ba liền tránh xa thợ săn và

quyến thuộc thợ săn, nương ở một nơi không xa. Khi đã

1 Quyển 47. Nguyên tác: Lạp sư kinh (roi. 0026.178. 0718b23). Tham chiếu: M. 25, Nivãpa Sutta (Kinh bây mồi).

nương ở một nơi không xa rồi, liền ăn mồi của thợ săn mà không đến gần, ăn mà không đến gần nên không buông lung phóng túng, rồi do không buông lung nên không bị lệ thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Người thợ săn và quyến thuộc thợ săn nghĩ: "Đàn nai thứ ba này rất khôn lanh, thật là khôn lanh! Vì sao như vậy? Vì chúng ăn môi của ta mà ta không thê bắt được chúng. Nay ta hãy vây lưới ra xa, vây lưới ra xa rồi chắc sẽ biết được chỗ ở5 đường lui tới của đàn nai thứ ba này." Nghĩ vậy, họ liền vây lưới ra xa và sau đó biêt được chỗ trú ân của đàn nai thứ ba. Như thê, đàn nai thứ ba cũng không thoát khỏi lãnh địa của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Đàn nai thứ tư lại suy nghĩ: "Đàn nai thứ nhất, thứ hai và thứ ba, tất cả đều không thoát khỏi lãnh địa của thợ săn và quyến thuộc của thợ săn. Nay ta hãy nương ở một nơi mà thợ săn và quyến thuộc thợ săn không đen được, sau đó hãy ăn mồi của thợ săn mà đừng đến gàn, đã ăn mà không đến gần thì không buông lung phóng túng, do không buông lung thì sẽ không bị lệ thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ sn." Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ tư liền nương ở một nơi mà thợ săn và quyến thuộc thợ săn không thể đến được, nương ở chỗ ấy rồi liền ăn mồi của thợ săn mà không đến gần, đã ăn mà không đến gần nên không buông lung phóng túng, rồi do không buông lung phóng tung nên không bị lệ thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Người thợ săn và quyến thuộc thợ săn lại suy nghĩ: "Bàn nai thứ tư này tài trí vượt bậc, thật là tài trí! Nêu ta đuổi theo chúng, chắc chan không the được, lại còn khiến những bầy nai khác sẽ kinh sợ chạy tán loạn. Vậy ta hãy bỏ mặc đàn nai thứ tư nay?9 Sau khi suy nghĩ, thợ săn và quyến thuộc thợ săn liền bỏ mặc đàn nai đó. Như vậy là đàn nai thứ tư thoát khỏi lãnh địa của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. [0719al0] Này các Tỵ-kheo, Ta nói ví dụ này là muốn các thầy hiểu rõ ý nghĩa. Nay Ta nói như thế, các thầy hãy quán xét nghĩa lý của chúng. Mồi của thợ săn, nên biết, đó là năm loại dục: Sác được biết bởi mắt, tiếng được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi, vi được biết bởi lưỡi và xúc được biết bởi thân. Moi của thợ săn, nên biết, đó là năm loại dục. Người thợ săn, nên biết, đó chính là Ác ma vương. Quyến thuộc của thợ săn5 nên biết, đó chính là quyến thuộc của Ma vương. Còn đàn nai, nên biết, đó chính là Sa-môn5 Phạm chí vậy. Sa-môn, Phạm chí thứ nhất đến gần và ăn thức ăn của Ma vương, tức là thức ăn của tín thí thế gian. Những vị ấy sau khi đến gần và ăn rồi liền sanh tâm buông lung phóng túng, do buông lung nên bị lệ thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Như vậy là Sa-môn, Phạm chí thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương. Ví như đàn nai thứ nhất đến gần để ăn mồi của thợ săn, sau khi chúng đến gần để ăn, liền sanh buông lung phónệ túng, do buông lung nên bị lệ thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như the, đàn nai thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Các thầy hãy quán sát các Sa-môn, Phạm chí thứ nhất kia cũng giống như vậy.

Sa-môn? Phạm chí thứ hai lại suy nghĩ: "Sa-môn, Phạm chí thứ nhất đến gần và ăn thức ăn của Ma vương, tức là thức ăn của tín thí thế gian. Những vi ây sau khi đến gần và ăn rồi liền sanh tâm buông lung phóng túng, do buông lung nên bị lệ thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Như vậy Sa-môn9 Phạm chí thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc của Ma vương. Nay ta hãy từ bỏ thức ăn của tín thí thế gian, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng, chỉ ăn trái cây và rễ cay.99 Suy nghĩ thế rồi, Sa-môn, Phạm chí thứ hai liền từ bỏ thức ăn của tín thí thế gian, tránh xa chỗ đáng sợ? nương ở nơi rừng vắng, chỉ ăn trái cây và rễ cây. Đen tháng cuối mùa xuân, trái cây và rễ cây đều hết, thân thể những vi ấy trở nên gầy ốm, khí lực hao mòn. Vì khí lực hao mòn nên tâm giải thoát, tuệ giải thoát cũng hao mòn; tâm giải thoát, tuệ giải thoát đã hao mòn nên bị lệ thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Như vậy là Sa-môn? Phạm chí thứ hai cũng không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc của Ma vương. Ví như đàn nai thứ hai suy nghĩ: "Đàn nai thứ nhát đên gân đê ăn môi của thợ săn. Sau khi chúng đên gân đê ăn, liên sanh tâm buông lung phóng túng, do buông lung nên lệ thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy, đàn nai thứ nhất không thoát khỏi lãnh địa của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy từ bỏ mồi của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng văng, ăn cỏ, uông nước suôi được chng?" Sau khi suy nghi, đàn nai thứ hai liền từ bỏ mồi của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng, ăn cỏ5 uống nước suối. Đen tháng cuối mùa xuân, cỏ nước đều hết, thân thể chúng gầy ốm, khí lực hao mòn, thế rồi lại bị lệ thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ hai cũng không thoát khỏi lãnh địa của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Các thầy hãy quán sát Sa-môn, Phạm chí thứ hai kia cũng giống như vậy. [0719bl4] Sa-môn9 Phạm chí thứ ba lại suy nghĩ: "Sa-m6n, Phạm chí thứ nhất và thứ hai đều không thoát khỏi cảnh giới Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Nay ta hãy tránh xa Ma vương và quyến thuộc Ma vương, nương ở một nơi không xa, sau đó hãy ăn thức ăn của tín thí thế gian mà đừng đến gần, đã ăn mà không đến gần thì không buông lung phóng túng, không buông lung thì không bị lệ thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương." Suy nghĩ thế rồi, Sa- môn, Phạm chí thứ ba liền tránh xa Ma vương và quyến thuộc Ma vương, nương ở một nơi không xa, sau đó ăn thức ăn của tín thí thế gian mà không đến gần, đã ăn mà không đến gần nên không buông lung phóng tung, do không buông lung nên không lệ thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Thế nhưng Sa-môn, Phạm chí thứ ba còn chấp có và chấp không, do hai kiến chấp này nên roi cũng bị lệ thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Như vậy Sa-môn, Phạm chí thứ ba cũng không thoát khỏi cảnh giới Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Ví như đàn nai thứ ba suy nghĩ: “Bàn nai thứ nhất và thứ hai đều không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy tránh xa thợ săn và quyến thuộc thợ săn, nương ở một nơi không xa, sau đó hãy ăn mồi của thợ

săn mà đừng đến gần, đã ăn mà không đến gần thì không buông lung phóng túng, không buông lung thì không lệ thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn/5 Sau khi suy nghĩ như vậy, đàn nai thứ ba liền tránh xa thợ săn và quyến thuộc thợ săn, nương ở một nơi không xa, sau đó ăn mồi của thợ săn mà không đen gan, đã ăn mà không đến

gần nên không buông lung phóng túng, do không buông lung nên không lệ thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Người thợ săn và quyến thuộc thợ săn nghĩ: uĐàn nai thứ ba này rất khôn lanh, quả thật là khôn lanh! Vì sao như vậy? Vì chúng ăn mồi của ta mà ta không thê bắt được chúng. Nay ta hãy vây lưới ra xa, sau khi vây lưới ra xa chắc sẽ biết được chỗ trú ẩn của đàn nai thứ ba nay.^ Suy nghĩ như vậy rồi, thợ săn và quyến thuộc thợ săn liền vây lưới ra xa và sau đó biết được nơi trú ẩn của đàn nai thứ ba. Như vậy, đàn nai thứ ba cũng không thoát khỏi lãnh địa của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Chỗ ở, nên biết đó chính là chấp có. Nơi tru ẩn, nên biết, đó chính là chấp không. Các thầy hãy quán sát Sa-môn? Phạm chí thứ ba cũng giống như vậy. [0719C12] Sa-môn9 Phạm chí thứ tư lại suy nghĩ: "Sam6n, Phạm chí thứ nhất, thứ hai và thứ ba, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc Ma vương, nay ta hãy nương ở một nơi mà Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được. Sau khi nương ở chỗ đó9 ta hãy ăn thức ăn của tín thí thế gian mà đừng đến gần; đã ăn mà không đến gần thì không buông lung phóng túng, không buông lung thì không lệ thuộc vào Ma vương và quyến thuộc Ma vương." Suy nghĩ thế rồi, Sa-môn, Phạm chí thứ tư này liền nương ở một nơi mà Ma vương và quyến thuộc Ma vương không thể đên được; sau khi nương ở đó9 họ ăn thức ăn của tín thí thê gian mà không đến gần, đã ăn mà không đến gần nên không buông lung phóng túng, rồi do không buông lung phóng túng nên không bi lệ thuộc vào Ma vương và quyến thuộc của Ma vương. Như vậy Sa-môn9 Phạm chí thứ tư thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc của Ma vương. Ví như đàn nai thứ tư suy nghĩ: "Đàn nai thứ nhất, thứ hai và thứ ba, tất cả đều không thoát khỏi lãnh địa của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy nương ở một nơi mà thợ săn và quyến thuộc thợ săn không đen được; sau khi nương ở đó, hãy ăn mồi của thợ săn mà đừng đen gan; đã ăn mà không đến gần thì không buông lung phóng túng, không buông lung phóng túng thì không bị lệ thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn.,, Sau khi suy nghĩ như vậy, đàn nai thứ tư liền nương ở một nơi mà thợ săn và quyến thuộc thợ săn không thể đến được; sau khi nương ở đó5 chúng ăn mồi của thợ săn mà không đến gần; đã ăn mà không đến gần nên không buông lung phóng túng, roi do không buông lung nên không lệ thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Người thợ săn và quyến thuộc thợ săn lại suy nghĩ: "Đàn nai thứ tư này thật là khôn lanh, khôn lanh bậc nhất! Nếu ta đuổi theo chúng, chắc chắn không the được, mà còn khiến những bầy nai khác sẽ kinh sợ chạy tán loạn. Vậy ta hãy bỏ mặc đàn nai thứ tư này." Sau khi suy nghĩ như vậy, thợ săn và quyên thuộc thợ săn liền bỏ mặc đàn nai đó. Như thế, đàn nai thứ tư thoát khỏi

lãnh địa của thợ săn và quyên thuộc thợ săn. Các thây hãy quán Sa-môn9 Phạm chí thứ tư cũng giống như vậy. [0720a07] Này Tỳ-kheo, hãy nên học về nơi trú ẩn như vậy để khiến Ma vương và quyến thuộc Ma vương không thể đến được. Những chỗ nào mà Ma vương và quyến thuộc Ma vương không thể đến được? Đó là Tỳ-kheo lìa dục, lìa pháp ác, bất thiện, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Đó là những nơi mà Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được.

r Lại nữa, những nơi nào mà Ma vương và quyên thuộc r Ma vương không thê đên được? Đó là Tỳ-kheo tâm tương ưng với từ, kháp cả một phương, thành tựu và an trú. Cứ như vậy cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và phương trên, phương dưới, khắp cả mọi nơi, tâm tương ưng với từ, không gây thù kết oán, không sân hận tổn hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, bao trùm tất cả the gian, thành tựu và an trú. Đoi với tâm bi, hỷ và xả cũng vậy... tâm tương ưng với xả5 khắp cả một phương, thành tựu và an trú. Cứ như vậy cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và phương trên, phương dưới, khắp cả mọi nơi, tâm tương ưng với xả, không gây thù kết oán, không sân hận tổn hại5 rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, bao trùm tất cả the gian, thành tựu và an trú. Đó là những nơi mà Ma vương và quyến thuộc Ma vương không thê đên được. Lại nữa, nơi nào mà Ma vương và quyến thuộc Ma vương không thể đến được? Đó là Tỳ-kheo vượt qua tát cả sác tưởng, cho đên thành tựu và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đó là chỗ Ma vương và quyến thuộc của Ma vương 9 r

không thê đên được. Lại nữa, nơi nào mà Ma vương và quyên thuộc Ma vương không thê đên được? Đó là Tỳ-kheo vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhập Tưởng thọ diệt, tự thân tác chứng, thành tựu an trú. Sau khi liễu tri2 và thấy rõ bởi trí tuệ thì các lậu được vĩnh viễn diệt trừ. Đó là nơi Ma vương và quyến thuộc Ma vương không thể đến được. Này Tỳ-kheo, những trú xứ như the sẽ khiến Ma vương và quyến thuộc Ma vương không thể đến được. Các thầy phải nên học tập như vậy. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

2 Nguyên tác: Đoạn tri .Theo SÃ. 112 và s. 22.2 - III. 26, "đoạn tri" mang nghĩa lA Tiễu tri" pariñña, cũng được dịch là 4tbiên tri".

179. KINH THỢ MỘC NGŨ CHI1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, thợ mộc Ngũ Chi rời thành Xá-vệ, muốn đến chỗ Phật đe thăm viếng, cúng dường và lễ bái, nhung ông lại suy nghĩ: "Ta hãy khoan đến gặp đức Thế Tôn, vì có thể giờ này Ngài cùng với chúng Tỳ-kheo vẫn còn đang tọa thiền. Vậy ta hãy đi đến khu vườn Nhất Sa-la Mạt-lợi của ngoại dạo."2 Nghĩ rồi, thợ mộc Ngũ Chi liền ghé vào nơi vui chơi hoan lạc gần hàng cây cân-đâu-a-lê?1 234roi đi đên khu vườn Nhát Sa-la Mạt-lợi của ngoại đạo. Khi ấy, trong vườn Nhất Sa-la Mạt-lợi có một Sa-môn ngoại đạo tên là Văn- kỳ tử,4 Jà Tông chủ lớn ở trong chúng đó, là Tôn sư của nhiều người, được nhiều người kính trọng, thông lãnh một đại chúng ngoại đạo gôm năm trăm vị. Ong ta đang ở giữa đám đồ chúng ồn ào, lớn tiếng, với âm thanh huyên náo, bàn luận đủ mọi chuyện phù phiếm vô nghĩa5 như chuyện vua, chuyện giặc, chuyện đấu r

tranh, chuyện ăn uông, chuyện y phục, chuyện phụ nữ, chuyện đông nữ, chuyện dâm nữ, chuyện thê gian, chuyện tà dạo, chuyện trong biên... đại loại những chuyện như thế. Họ tụ tập lại rồi bàn luận đủ mọi chuyện phù phiếm vô nghĩa. Sa-môn ngoại đạo Văn-kỳ tử trông thây thợ mộc Ngũ Chi từ xa đi đên, liên ra lệnh hội chúng của mình im lặng và bảo: "Các ông hãy im lặng, đừng nói nữa, hãy chan chỉnh lại mình. Có đệ tử của Sa-môn Cù-đàm là thợ mộc Ngũ Chi sắp đến đây. Trong số những đệ tử tại gia của

Sa-môn Cù-đàm ở nước Xá-vệ này không ai hơn được thợ mộc Ngũ Chi. Vì sao như vậy? Vì ông ấy ưa thích

1 Nguyên tác: Ngũ Chi vật chủ kinh (7.01. 0026.179. 0720Ồ23). Tham chiếu: M. 78, Samanamundika Sutta (Kỉnh Samanamundikd) . 4tNgũ Chi vật chủ,, ()đượcr dịch từ nguyên tác Pali: Pancakañga thapati. t4Ngũ Chi" la trực dịch của chử Pañcakañga, là 5 chi tiết và cũng là tên riêng của một ngươi. Theo SA. III. 86, đó là 5 dụng cụ của người thợ mộc, gồm rìu (yãsĩpharàsiì), dùi đục^mkhãdana), thước đo (danda), cái vồ (rnuggara) và dây mực (kālasutta). uVật chu59 là trực dịch cua chữ thapati, một cách dịch khống chính xác vì chiết tự. 2 Nhất Sa-la Mạt-lợi dị học viên (Ekasālaka Mallikā ặrâmă), một khu vườn của Hoàng hậu Mạt-lợi, phu nhân của Vua Ba-tư-nặc, có tên là Nhát Sa-la. Nơi đây, các ngoại đạo dị học thường tập trung bàn luận. Tham chiếu: D. 9. Potthapãda Sutta (Kinh Bổ-sả-bà-lâu). 3 Cân-đầu-a-lê ()cbn được viết là "trấndầu-ca"(),được dịch từ tinduka, hoặc cũng viết là timbarū. Theo PED, đây là một loài thực vật lưu niên trong họ Thị, có tên khoa học là Dỉospyros Maỉabarica. 4 Sa-môn Văn-kỳ tử (Samanamandikāputta), con trai của Samanamandikā, tên thật là Uggāhamana. 5 Nguyên tác: Súc sanh luận (Tiracchãnakathã). Xem chú thích 5, kinh số 26, tr. 156.

Sự im lặng, ca ngợi sự im lặng. Nếu ông ấy thấy hội chúng này im lặng, có thể sẽ đến thm." Bấy giờ, Sa-môn ngoại đạo Văn-kỳ tử bảo hội chúng im lặng rồi tự mình cũng im lặng. Thợ mộc Ngũ Chi đi đến chỗ ngoại đạo Sa-môn Văn-kỳ tử, cùng chào hỏi nhau rồi ngồi sang một bên. Sa-môn Văn-kỳ tử nói: -Này thợ mộc, nếu người nào thành tựu bốn pháp thì ta cho rằng người ấy thành tựu thiện, thiện bậc nhất, là bậc Vô thượng sĩ, thành đạt tối thượng,6 là Sa-môn chất trực. Bon pháp đó là thân không tạo nghiệp ác, miệng không nói lời ác, không sống bằng tà mạng và không suy nghĩ điều ác. Này thợ mộc, nếu người nào thành tựu bốn pháp này thì ta cho rằng người ấy thành tựu thiện, thiện bậc nhất, là bậc Vô thượng si, thành đạt tối thượng, là Sa-môn chất trực. Thợ mộc Ngũ Chi nghe Sa-môn ngoại đạo Văn-kỳ tử nói như vậy không cho là phải, cũng không cho là trái mà từ chỗ ngồi đứng dậy bước đi với ý niệm: “Vói chủ trương như vậy, ta phải đích thân đến chỗ đức Thế Tôn thưa hỏi nghĩa nay." Rồi ông đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ, ngồi sang một bên và đem những điều đã bàn luận với Sa-môn ngoại đạo Văn-kỳ tử thuật lại hết với đức Phật. [0720c03] Nghe xong, đức Thế Tôn bảo: Này thợ mộc, theo lời Sa-môn ngoại đạo Văn-kỳ tử nói, nếu quả thật như vậy thì trẻ sơ sinh tay chân mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, cũng thành tựu thiện, thiện bậc nhất, là bậc Vô thượng sĩ, thành đạt tối thượng, là Sa-môn chất trực. Này thợ mộc, trẻ sơ sinh còn không có ý nghĩ về thân, huống nữa là tạo nghiệp ác về thân? Nó chỉ có thể cử động thân hình. Này thợ mộc, trẻ sơ sinh còn không có ý nghĩ về lời nói, huống nữa là nói lời ác? Nó chỉ biết khóc. Này thợ mộc, trẻ sơ sinh còn không có ý nghĩ về mạng, huống nữa là sốnệ tà mạng? Nó chỉ biết bập bẹ. Này thợ mộc, trẻ sơ sinh còn không có ý nghĩ ve niệm, huống nữa là niệm ác? Nó chỉ nghĩ đen sữa mẹ. Này thợ mộc, theo lời Sa-môn ngoại đạo Văn-kỳ tử nói, như vậy thì trẻ sơ sinh cũng thành tựu thiện, thiện bậc nhất,

là bậc Vô thượng sĩ, thành đạt tối thượng, là Sa-môn chất trực. Này thợ mộc, nếu người nào thành tựu bốn pháp thì Ta cho rằng người ấy thành tựu thiện, thiện bậc nhất, nhưng không phải là bậc Vô thượng sĩ, không thể thành đạt tối thượng, cũng không phải là Sa-môn chất trực. Bốn pháp đó là: Thân không tạo nghiệp ác5 miệng không nói lời ác, không sống tà mạng và không có ý niệm ác. Này thợ mộc? nếu có người nào thành tựu bốn pháp này thì Ta cho rằng người ấy thành tựu thiện, thiện bậc nhất, nhưng không phải là bậc Vô thượng si, không thể thành đạt tối thượng, cũng không phải là Sa-môn chất trực. Này thợ mộc, thân nghiệp, khẩu nghiệp, Ta nói đó là giới. Này thợ mộc, niệm, Ta nói đó là thuộc tính của tâm và tùy thuộc tâm.7

6 Nguyên tác: Đắc đệ nhất nghĩa . 7 Nguyên tác: Tâm sở hữu dữ tâm tương tùy
.

179. KINH THỢ MỘC NGŨ CHI 1187

Này thợ mộc, Ta cho rằng cần phải biết về giới bất thiện, phải biết giới bất thiện phát sanh từ đâu, cần phải biết giới bất thiện bị diệt trừ hoàn toàn ở chỗ nào, bị bại hoại hoàn toàn ở chỗ nào và nên biết vị đệ tử Hiền thánh làm thế nào để diệt trừ giới bất thiện. Này thợ mộc, Ta cho rằng cần phải biết về giới thiện, phải biết giới thiện phát sanh từ đâu, phải biết giới thiện bị diệt trừ hoàn toàn ở chỗ nào, bị bại hoại hoàn toàn ở chỗ nào và nên biết vi đệ tử Hiền thánh làm thế nào để diệt trừ giới thiện. Này thợ mộc, Ta cho rằng cần phải biết về niệm bất thiện, phải biết niệm bất thiện phát sanh từ đâu, bi diệt trừ hoàn toàn ở chỗ nào, bị bại hoại hoàn toàn ở chỗ nào và nên biết vị đệ tử Hiền thánh làm thế nào để diệt trừ niệm bất thiện. Này thợ mộc, Ta cho răng cân phải biêt vê niệm thiện, phải biêt niệm thiện phát sanh từ đâu, bị diệt trừ hoàn toàn ở chỗ nào, bị bại hoại hoàn toàn ở chỗ nào và nên biết vi đệ tử Hiền thánh tu hành thế nào để diệt trừ niệm thiện. [072la02] Này thợ mộc, thế nào gọi là giới bất thiện? Thân hành bất thiện, miệng hành bất thiện, ý hành bất thiện, đó gọi là giới bất thiện. Này thợ mộc, giới bát thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chô phát sanh của chúng, nên biêt là phát sanh từ nơi tâm. The nào gọi là từ nơi tâm? Nêu tâm có tham dục, có sân hận, có si mê, nên biết giới bất thiện phát sanh từ nơi tâm này. Này thợ mộc, giới bất thiện bị diệt trừ hoàn toàn ở chỗ nào, bị bại hoại hoàn toàn ở chỗ nào? Vị đệ tử Hiền thánh xả bỏ nghiệp bất thiện về thân, tu tập nghiệp thiện về thân, xả bỏ nghiệp bát thiện vê miệng và ý, tu tập nghiệp thiện vê miệng và ý, đây là giới bất thiện bị diệt trừ hoàn toàn, bị bại hoại hoàn toàn. Này thợ mộc, vị đệ tử Hiền thánh tu hành thế nào để diệt trừ giới bất thiện? Nếu vị đệ tử Hiền r

thánh quán nội thân đúng như thân, cho đên quán thọ, tâm, quán pháp đúng như pháp,8 vị đệ tử Hiền thánh tu hành như vậy là diệt trừ giới bất thiện. Này thợ mộc, thế nào gọi là giới thiện? Thân nghiệp thiện, khẩu nghiệp thiện, ý nghiệp thiện, đó gọi là giới thiện. Này thợ mộc, giới thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ nơi tâm. Thế nào gọi là từ nơi tâm? Nếu tâm không có tham dục, không có sân hận, không có si mê, nên biết giới thiện phát sanh từ nơi tâm này. Này thợ mộc, giới thiện bị diệt trừ hoàn toàn ở chỗ nào, bi bại hoại hoàn toàn ở chỗ nào? Nêu vi đệ tử Hiền thánh hành trì giới mà không đắm trước nơi giới, đây là

giới thiện bị diệt trừ hoàn toàn, bị bại hoại hoàn toàn. Này thợ mộc, vi đệ tử Hiền thánh tu hành thế nào để diệt trừ giới thiện? Nếu vị đệ tử Hiền thánh quán nội thân đúng như thân, cho đến quán thọ, tâm, quán pháp đúng như pháp, vị đệ tử Hiền thánh tu hành như vậy là diệt trừ giới thiện.

8 Nguyên tác: Quán nội thân như thân,... chí quán giác,... tâm...pháp như pháp M ... .Xem chú thích 3, kinh số 41, tr. 272 và chú thích 5, kinh sô 98, tr. 653.

Này thợ mộc, thế nào gọi là niệm bất thiện? Các niệm dục, niệm sân, niệm hại, đó gọi là niệm bất thiện. Này thợ mộc, niệm bất thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ nơi tưởng. Thế nào gọi là từ nơi tưởng? Ta cho rằng hành trạng của tưởng có rất nhiều loại, vô lượng, vô số, hoặc là dục tưởng, hoặc là sân tưởng, hoặc là hại tưởng. Này thợ mộc, chúng sanh do tưởng vê dục mà sanh niệm bát thiện tương ưng với dục. Nêu có tưởng thì do nhân nơi tưởng đó mà sanh ra niệm bất thiện tương ưng với dục. Này thợ mộc, chúng sanh do tưởng vê sân, tưởng vê hại mà sanh niệm bát thiện tương ưng với sân và hại. Nếu có tưởng thì do nhân nơi tưởng đó mà sanh ra niệm bất thiện tương ưng với sân và hại. Đó là niệm bất thiện phát sanh từ nơi tưởng. Này thợ mộc, niệm bất thiện bị diệt trừ hoàn toàn ở chỗ nào, bi bại hoại hoàn toàn ở chỗ nào? Nếu vị đệ tử Hiền thánh lìa dục, lìa pháp ác, bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do lìa dục sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất, thành tựu và an trú, đây là niệm bất thiện bi diệt trừ hoàn toàn, bị bại hoại hoàn toàn. Này thợ mộc, vi đệ tử Hiền thánh tu hành thế nào để diệt trừ niệm bất thiện? Nếu vi đệ tử Hiền thánh quán nội thân đúng như thân, cho đến quán thọ, tâm, quán pháp đúng như pháp, vi đệ tử Hiền thánh tu hành như vậy là diệt trừ niệm bất thiện. [072lb06] Này thợ mộc, thế nào gọi là niệm thiện? Các niệm vô dục, vô sân, vô hại, đó gọi là niệm thiện. Này thợ mộc, niệm thiện phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ nơi tưởng. Thế nào gọi là từ nơi tưởng? Ta nói hành trạng của tưởng có rất nhiều loại, vô lượng, vô số, hoặc là vô dục tưởng, hoặc là vô sân tưởng, hoặc là vô hại tưởng. Này thợ mộc, chúng sanh do tưởng về vô dục mà sanh ra niệm thiện, tương ưng với vô dục. Nêu có tưởng thì nhân nơi tưởng đó mà sanh niệm thiện, tương ưng với vô dục. Này thợ mộc, chúng sanh do tưởng về vô sân, vô hại mà sanh ra niệm thiện tương ưng với vô sân, vô hại. Nếu có tưởng thì nhân nơi tưởng đó mà sanh ra niệm thiện tương ưng với vô sân, vô hại. Đó là niệm thiện phát sanh từ nơi tưởng. Này thợ mộc, niệm thiện bị diệt trừ hoàn toàn ở chỗ nào, bi bại hoại hoàn toàn ở chỗ nào? Nếu vị đệ tử Hiền thánh diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã c6, không khổ, không lạc, xả, niệm thanh tinh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú, đây là niệm thiện bị diệt trừ hoàn toàn, bị bại hoại hoàn toàn. Này thợ mộc, vị đệ tử Hiền thánh tu hành thế nào để trừ niệm thiện? Nếu vị đệ tử Hiền thánh quán nội thân đúng như thân, cho đến quán thọ, tâm, quán pháp đúng như pháp, vị đệ tử Hiền thánh tu hành như vậy là diệt trừ niệm thiện. Này thợ mộc, nếu vị đệ tử Hiền thánh dùng tuệ quán xét mà biết đúng như thật về giới bất thiện, biết đúng như thật giới bất thiện sanh từ đâu, biết đúng như thật giới bát

thiện này đã bị diệt trừ hoàn toàn, bị bại hoại hoàn toàn. Do

179. KINH THỢ MỘC NGŨ CHI 1189

tuệ quán xét mà vị đệ tử Hiền thánh biết đúng như thật rằng sự tu hành như vậy là diệt trừ giới bất thiện. Do tuệ quán xét mà biêt đúng như thật vê giới thiện, biêt đúng như thật giới thiện phát sanh từ đâu, biết đúng như thật giới thiện này đã bị diệt trừ hoàn toàn, bị bại hoại hoàn toàn. Do tuệ quán xét mà vị đệ tử Hiền thánh biết đúng như thật rằng sự tu hành như vậy là diệt trừ giới thiện. Do tuệ quán xét mà biết đúng như thật về niệm bất thiện, biết đúng như thật niệm bất thiện phát sanh từ đâu, biết đúng như thật niệm bất thiện này bi diệt trừ hoàn toàn, bị bại hoại hoàn toàn. Do tuệ quán xét mà vi đệ tử Hiền thánh biết đúng như thật rằng sự tu hành như vậy là diệt trừ niệm bất thiện. Do tuệ quán xét mà biêt đúng như thật niệm thiện, biêt đúng như thật niệm thiện phát sanh từ dâu, biết đúng như thật niệm thiện này bị diệt trừ hoàn toàn, bị bại hoại hoàn toàn. Do tuệ quán xét mà vi đệ tử Hiền thánh biết đúng như thật rang sự tu hành như vậy là diệt trừ niệm thiện. Vì sao như vậy? Vì nhân chánh kiến nên sanh chánh tư duy,9 nhân chánh tư duy nên sanh chánh ngữ, nhân chánh ngữ nên sanh chánh nghiệp, nhân chánh nghiệp nên sanh chánh mạng, nhân chánh mạng nên sanh chánh tinh tấn, nhân chánh tinh tấn nên sanh chánh niệm, nhân chánh niệm nên sanh chánh định. Vị đệ tử Hiền thánh đã định tâm như vậy rồi, liền giải thoát hết thảy tham, sân, si. [0721C09] Này thợ mộc? vị đệ tử Hiền thánh đã có tâm giải thoát hoàn toàn như vậy rồi liền biết đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.” Đó gọi là bậc Hữu học kiến đạo thành tựu tám chi9 và A-la-hán lậu tận thành tựu mười chi.11 1011 Này thợ mộc, thế nào gọi là bậc Hữu học kiến đạo thành tựu tám chi? Đó là hữu học chánh kiến cho đến chánh định, như vậy gọi là bậc Hữu học kiến đạo thành tựu tám chi. Thế nào gọi là A-la-hán lậu tận thành tựu mười chi? Đó là Vô học chánh kiến cho đến Vô học chánh trí.12 Như vậy gọi là bậc A-la-hán lậu tận thành tựu mười chi. Này thợ mộc, nếu người nào có đủ mười chi thì Ta nói rằng người ấy thành tựu thiện, thiện bậc nhất, là bậc Vô thượng si, thành đạt tối thượng, là Sa-môn chất trực. Đức Phật dạy như vậy, thợ mộc Ngũ Chi và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

9 Nguyên tác: Chánh chí ( ). 10 Nguyên tác: Học kiến tích (),chỉ giai đoan Kiến đạo của hàng Hữu học. Hàng Hữu học ở địa vi Kiến đạo, tu tập và thành tựu 8 chi Thánh đạo để thấy lý Tứ đế. 11 Bậc A-la-hán lậu tận thành tựu 10 Vô học chi, gồm 8 chi của bậc Hữu học và thêm 2 chi chánh giải thoát (sammāvimutti) và chánh trí (sammāñānā) của bậc Vô học (ạsekhà). Tham chiếu[A-tỳ-đạt-maĐại Ty-īa-sa luan(je.9&0461aÌ7):. 12 Đoạn này sắp xếp, theo thứ tự từ "chánh kiến" cho đến <cchánh gii thoWt" và "chanh trí." Do vì lược bỏ nên chỉ đề cập đến chi cuối cùng là "chánh trí."

180. KINH CÙ-ĐÀM-DI1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Thích-ca,123ngụ tại vườn Ni-câu- loại/ thuộc thành Ca-tỳ-la-vệ.4 Bây giờ, Ma-ha-ba-xà-ba-đê Cù-đàm-di5 đem một chiêc y mới màu vàng, được dệt bằng kim tuyến đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên và

thưa: -Bạch Thê Tôn! Con đã tự tay căt may chiêc y mới màu vàng dệt băng kim tuyến này cho Thế Tôn. Cúi mong Thế Tôn thương con mà thọ nhận. Đức Thế Tôn bảo: -Này Cù-đàm-di, hãy đem y này cúng dường cho chúng Tỳ-kheo. Dâng cúng cho chúng Tỳ-kheo là đã cúng dường Như Lai, cũng là cúng dường đại chúng. Đại Sanh chủ6 Cù-đàm-di lại thưa đến lần thứ ba: -Bạch Thê Tôn! Con đã tự tay cát may chiêc y mới màu vàng dệt băng kim tuyến này cho Thế Tôn. Cúi mong Thế Tôn thương con mà thọ nhận. [0722a02] Đức Thế Tôn cũng ba lần bảo: -Này Cù-đàm-di9 hãy đem y này cúng dường cho chúng Tỳ-kheo. Dâng cúng cho chúng Tỳ-kheo là đã cúng dường Như Lai, cũng là cúng dường đại chúng. Bây giờ, Tôn giảA-nan đang đứng phía sau quạt hâu đức Thê Tôn, liên thưa: Bạch Thế Tôn! Đại Sanh chủ Cù-đàm-di đã đem lại cho Thế Tôn nhiều lợi r _ 4./^/ _ i —_ Á rr\ _ 1 1 • _ Á r-ri _____ ích, đã nuôi dưỡng The Ton sau khi than mau The Ton qua đời. Đức Thế Tôn bảo: Này A-nan, thật sự như vậy! Này A-nan, thật sự như vậy! Đại Sanh chủ Cù-đàm-di đã đem lại cho Ta nhiều lọi h, đã nuôi dưỡng Ta sau khi thân mẫu Ta qua đời. Nhung này A-nan? Ta cũng đem lại cho Đại Sanh chủ Cù-đàm-di nhiều lợi h Vì sao? Vì Đại Sanh chủ Cù-đàm-di đã nhờ Ta mà được quy

1 Nguyên tác: Cù-đàm-di kinh rOL 0026.180. 0721c21. Tham chiếu: Phân biệt bố thỉ kinh roi. 0084. 0903b23; M. 142, Dakkhināvibhañga Sutta Kinhphân biêt củng dường. 2 Nguyên tác: Thích-ky-sấu phiên âm từ nguyên tác Sakkesu, là những người họ Thích. 3 Ni-câu-loại ,Nigrodha. 4 Gia-tỳ-la-vệ cũng viết là Ca-tỳ-la-vệ ,Kapilavatthu.

5 Ma-ha-bá-la-xà-bát-đề Cù-đàm-di ,Mahāpajāpatī Gotamī. 6 Đại Sanh chủ trực dịch từ Mahāpajāpatī.

y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo? không nghi ngờ ngôi Tam bảo, không nghi ngờ về khổ, tập, diệt, đạo, thành tựu niềm tin, trì giới, đa văn, bố thí, trí tuệ, xa lìa nghiệp sát, đoạn trừ các nghiệp sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, xa lìa nghiệp uống rượu và đoạn trừ nghiệp uống rượu. Này A-nan, nếu có người nhờ người khác mà được quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo, không nghi ngờ ngôi Tam bảo, không nghi ngờ về khổ, tập, diệt, đạo, thành tựu niềm tin, trì giới, đa văn, bố thí, trí tuệ, xa lìa nghiệp sát, đoạn trừ các nghiệp sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, xa lìa nghiệp uống rượu và đoạn trừ nghiệp uống rượu thì người này cúng dường lại người kia cho đến suốt đời về các thức ăn uống, y phục, giường nệm, thuốc thang, đủ mọi vật dụng cho đời sống vẫn không thể đền đáp được công ơn kia. Lại nữa, này A-nan, có bảy loại bố thí cho chúng Tăng và có mười bốn loại bố thí riêng cho từng người, sẽ được phước nhiều, được phước quả nhiều, được công đức nhiều và được phước quả to lớn. Này A-nan, thế nào gọi là bảy loại bố thí cho chúng Tăng sẽ được phước nhiều, được phước quả nhiều, được công đức nhiều và được phước quả to lớn? Như khi Phật còn tại thế, Phật là đấng tối cao, nếu người thiện nam hay người thiện nữ nào cúng dường Phật và chúng Tỳ-kheo thì đây là loại bố thí thứ nhất cho chúng Tăng sẽ được phước nhiều, được phước quả nhiều, được công đức nhiều và được phước quả to lớn. Sau khi Phật

Niết-bàn không lâu, nếu người thiện nam hay người thiện nữ nào cúng dường cho cả hai bộ chúng [thì đây là loại bố thí thứ hai]; nếu cúng dường cho mỗi đại chúng Tỳ-kheo [thì đây là loại bố thí thứ ba]; nếu cúng dường cho mỗi đại chúng Tỳ-kheo-ni [thì đây là loại bố thí thứ tư]; nếu đi vào tinh xá Tỳ-kheo rồi bạch với đại chúng: "Mong trong chúng ở đây cử ra một số Tỳ-kheo để chúng con được cúng dường!55 và đi vào tinh xá Tỳ-kheo-ni rồi bạch với đại chúng: “Mong trong chúng ở đây cử ra một số Tỳ-kheo-ni để chúng con được cúng đường!" thì đây là loại bố thí thứ năm cho Tăng chúng, sẽ được phước nhiều, được phước quả nhiều, được công đức nhiều và được phước quả to lớn. [0722b01] Này A-nan, trong tương lai, có Tỳ-kheo chỉ mang danh Tỳ-kheo/ khoác áo ca-sa mà không tinh tấn. Vi ấy đã không tinh tấn, không tinh cần nhưng vẫn được cúng dường vì nương nơi chúng, duyên nơi chúng, ở trong chúng, nhân nơi chúng. Ta nói lúc ấy thí chủ cũng được phước vô lượng, không thể đếm, không thể kể, được thiện, được lạc [thì đây là loại bố thí thứ sáu cho Tăng chúng, sẽ được phước quả nhiều, được công đức nhiều và được quả báo to lớn]. Huống nữa, là cúng dường cho các Tỳ-kheo hiện tại là những vi thành tựu7

7 Tỳ-kheo danh tánh chủng ()chỉ cho hạng 4tTỳ-kheo danh tự.” Pali: Gotrabhuno.
Theo Chú giải Kinh phân biệt củng dường (Dakkhināvibhangasuttavarinanā): Chỉ có cái tên "Chuyển tộc tánh", là loại Sa-môn hư danh (Gotrabhunoti gottamattakameva anubhavamānā, nāmamattasamanati attho).

180. KINH CÙ-ĐÀM-DI 1193

hành SỊT, thành tựu trừ sự,89thành tựu cả hành sự và trừ sự; thành tựu chất trực, thành tựu nhu hoà, thành tựu cả chất trực và nhu hoà; thành tựu nhẫn, thành tựu lạc, thành tựu cả nhẫn và lạc; thành tựu sự hòa hợp,9 thành tựu sự chăm sóc,1011 thành tựu cả sự hòa hợp và chăm sóc; thành tựu oai nghi, thành tựu sự giáo hóa, thành tựu cả oai nghi cùng sự giáo hóa; thành tựu niềm tin, thành tựu trì giới, thành tựu đa văn, thành tựu bố thí, thành tựu trí tuệ; thành tựu cả niềm tin, trì giới, đa văn, bố thí và trí tuệ, đây là loại bố thí thứ bảy cho Tăng chúng, sẽ được phước nhiều, kết quả nhiều, công đức nhiều và quả báo to lớn. Trên đây là bảy loại bố thí cho Tăng chúng sẽ được phước nhiều, được phước quả nhiều, được công đức nhiều và được phước quả to lớn. Này A-nan, thế nào là mười bốn loại bố thí riêng cho từng người, sẽ được phước nhiều, được phước quả nhiều, được công đức nhiều và được phước quả to lớn? Đó là người thiện nam hay người thiện nữ cúng dường Như Lai, cúng dường bậc Độc giác,11 cúng dường A-la-hán, cúng dường bậc hướng đen quả A-la-hán, cúng dường A-na-hàm, cúng dường bậc hướng đến quả A-na-hàm9 cúng dường Tư-đà-hàm, cúng dường bậc hướng đến quả Tư-đà-hàm, cúng dường Tu-đà-hoàn, cúng dường bậc hướng đen quả Tu-đà-hoàn, cúng dường Tiên nhân ngoại đạo lìa dục, cúng dường cho người tinh tấn, cúng dường cho người không tinh tấn và bố thí cho súc sanh. Này A-nan9 bố thí cho súc sanh được phước gấp trăm lần, bố thí cho người không tinh tấn được phước gấp ngàn lần, cúng dường cho người tinh tấn được phước gấp trăm ngàn lần, cúng dường cho Tiên nhân ngoại đạo lìa dục được phước gấp ức trăm ngàn lần, cúng dường cho vị hướng đen quả Tu-đà-hoàn được phước vô lượng, cúng dường cho vị đác Tu-đà-hoàn

được phước vô lượng, cúng dường cho vi hướng đến quả Tư-đà-hàm được phước vô lượng, cúng dường cho vị đắc Tư-đà-hàm được phước vô lượng, cúng đường cho vị hướng đến quả A-na-hàm được phước vô lượng, cúng dường cho vị đác A-na- hàm được phước vô lượng, cúng dường cho vi hướng đên quả A-la-hán được phước vô lượng, cúng dường cho vị đắc A-la-hán được phước vô lượng, cúng dường cho vị Độc giác được phước vô lượng, huống nữa là cúng dường cho đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ư? Đó là mười bon loại bố thí

8 Nguyên tác: Thành tựu hành sự, thành tựu trừ sự ,.Theo A-tỳ-đàm Bát kiền-độ ỉuạn T.26. 1534.3. 0782a27: Thành tựu hanh sự là gì? Là bậc Vô học thủ hộ thân, thủ hộ miệng, nuôi mạng thanh tịnh, đó là thành tựu hành sự. Thênào làthành tựu trừJự? Làbâc Vô học thủ hộ các căn, đó là thành tựu trừ sự ??? : 9 Nguyên tác:
Thành tựu tương ưng ."Tương ưng" ở đây chỉ cho sự giống nhau, liên kết, khê hợp. Theo ngữ cảnh kinh văn được hiểu là "sịt hòa hợp." 10 Nguyên tác: Thành tựu kinh kỷ .Theo Đại Tỳ-kheo tam thiên oai nghi WE l r.24. 1470.1. 0917C1S, "kinh W mang nghĩa là chăm sóc và dạy dỗ -; .3g./r.22. 1425.28. 0456aQ4 cũng dùng chữ "kinh ky"với nghĩa là chăm sóc:,, Mi 11
Nguyên tác: Duyên Nhất Giác ,Paccekabuddha, cách dịch khác của Độc giác .

riêng cho từng người, sẽ được phước nhiều, được phước quả nhiều, được công đức nhiều và được phước quả to lớn. Lại nữa, này A-nan, có bốn loại bố thí mà chỉ ba loại là được thanh tinh. Bốn loại bố thí đó là: Có loại bố thí do thí chủ thanh tinh, không phải do người thọ nhận; có loại bố thí do người thọ nhận thanh tịnh, không phải do thí chủ; có loại bố thí không phải do thí chủ thanh tịnh, cũng không phải do người thọ nhận; có loại bố thí do thí chủ thanh tịnh và người thọ nhận cũng vậy. Này A-nan, thế nào là loại bố thí do thí chủ thanh tinh, không phải do người thọ nhận? Đó là thí chủ tinh tấn, hành trì Diệu pháp, tin12 có đời sau, tin có quả báo, do tin như vậy nên nói: "C6 sự bố thí, có quả báo của sự bố thí"; còn người thọ nhận thì không tinh tấn, thực hành tà pháp, không tin có đời sau, không tin có quả báo, do không tin như vậy nên nói: "Không có sự bố thí, không quả báo của sự bố thí." Đó là loại bố thí do thí chủ thanh tinh, không phải do người thọ nhận. [0722c07] Này A-nan, thế nào là loại bố thí do người thọ nhận thanh tịnh, không phải do thí chủ? Đó là thí chủ không tinh tấn, thực hành tà pháp, không tin có đời sau, không tin có quả báo, do không tin như vậy nên nói: "Không có sự bo thí, không có quả báo của sự bo thí"; còn người thọ nhận thì tinh tan, hành trì Diệu pháp, tin có đời sau, tin có quả báo, do tin như vậy nên nói: "C6 sự bố thí, có quả báo của sự bố thí." Đây là loại bố thí do người thọ nhận thanh tịnh, không phải do thí chủ. Này A-nan, thế nào gọi là loại bố thí không phải do thí chủ thanh tịnh, cũng không phải do người thọ nhận? Đó là thí chủ không tinh tấn, thực hành tà pháp, không tin có đời sau, không tin có quả báo? do không tin như vậy nên nói: "Không có

sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí"; và người thọ nhận cũng không tinh tấn5 hành theo tà pháp, không tin có đời sau, không tin có quả báo, do không tin như vậy nên nói: "Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí." Đây là loại bố thí không phải do thí chủ thanh tịnh, cũng không phải do người thọ nhận. Này A-nan, thê nào là loại bô thí do thí chủ thanh tinh và người thọ nhận cũng vậy? Đó là thí chủ tinh tấn, hành trì Diệu pháp, tin có đời sau, tin có quả báo, do tin như vậy nên nói: "C6 sự bố thí, có quả báo của sự bố thí"; và người thọ nhận cũng tinh tấn, hành trì Diệu pháp, tin có đời sau, tin có quả báo, do tin như vậy nên nói: “C6 sự bố thí, có quả báo của sự bố thí.,, Đây là loại bố thí do thí chủ thanh tịnh và người thọ nhận cũng thanh tịnh. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói kệ: Tinh tấn thí người không tinh tấn, Thí đúng pháp được tâm hoan hỷ5 Vì tin có nghiệp, có quả báo, Loại thí này5 thí chủ thanh tịnh. 12 Nguyên tác: Kiến (M, passatī), nghĩa là trông thấy, hiểu rõ.

180. KINH CÙ-ĐÀM-DI 1195

Không tinh tấn thí người tinh tấn,
Không đúng pháp, không tâm hoan hỷ,
Vì không tin nghiệp và quả báo,
Loại thí này, người nhận thanh tịnh.
Biếng nhác thí người không tinh tấn,
Không đúng pháp, không tâm hoan hỷ?
Vì không tin nghiệp và quả báo,
Loại thí này không nhiều phước báo.
Người tinh tấn thí người tinh tấn,
Là đúng pháp, được tâm hoan hỷ,
Vì tin có nghiệp và quả báo,
Loại thí này được nhiều phước báo.
Tôi tớ và bần cùng,
Hoan hỷ hành bố thí,
Tin có nghiệp, quả báo,
Thí này thiện nhân khen.
Khéo giữ thân và miệng,
Khất thực đúng Chánh pháp,
Ly dục thí ly dục,
Là tài thí bậc nhất.

[0723a05] Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

181. KINH ĐA GIỚI1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả A-nan một mình ở nơi thanh vắng, tọa thiền tư duy, tâm khởi suy nghĩ: "Nếu có những sợ hãi thì hết thảy chúng đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Nếu có những bất hạnh, tai họa, buồn lo thì hết thảy chúng đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tue." Rồi vào lúc xế chiều, Tôn

giả A-nan rời nơi tĩnh tọa đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn, hôm nay con một mình ở nơi thanh vắng, tọa thiền tư duy, tâm khởi suy nghĩ: "Nếu có những sợ hãi thì hết thảy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Nếu có những bất hạnh, tai họa, buồn lo thì hết thảy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ?9 Đức Thế Tôn bảo: Thật vậy A-nan! Thật vậy A-nan! Nếu có những sợ hãi thì hết thảy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Nếu có những bất hạnh, tai họa, buôn lo thì hét thảy đêu từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Này A-nan, giông như lửa phát sanh từ những đông lau sậy, cỏ rác, đót cháy cả lâu gác, cung điện, nhà cửa. Này A-nan, cũng vậy, nếu có những sợ hãi thì hết thảy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Nếu có những bất hạnh, tai họa, buồn lo thì hết thảy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Này A-nan, trong quá khứ, nếu có những sợ hãi thì hết thảy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Nếu có những bất hạnh, tai họa5 buồn lo thì hết thảy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Này A-nan, trong tương lai, nếu có những sợ hãi thì hết thảy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Nếu có những bất hạnh, tai họa, buồn lo thì hết thảy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Này Anan, ở hiện tại, nếu có những sợ hãi thì hết thảy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Nếu có những bất hạnh, tai họa, buồn lo thì hết thảy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ.

1 Nguyên tác: Đa giới kÌỊỊh (roi. 0026.181. 0723a08). Tham chiếu: Phật thuyết Tứ phẩm pháp mon kỉnh (T.17. 0776.1. 0712b14); A-tỳ-đạt-maPháp uẩn túc luận (T.26. 1537.10. 0501ỒỒ24); M. 115, Bahudhātuka Sutta (Kinh đa giới).

Này A-Nan, đó gọi là do ngu si nên có sợ hãi, nhờ trí tuệ nên không sợ hãi. Do ngu si nên có bất hạnh, tai họa, buồn lo, nhờ trí tuệ nên không có bát hạnh, tai họa, buôn lo. Này A-nan, nêu có những sợ hãi, bát hạnh, tai họa, buôn lo thì hết thảy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. [0723b06] Bấy giờ, Tôn giả A-nan buồn rầu, rơi lệ, chắp tay hướng Phật và thưa: Bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo ngu si, không trí tuệ? Đức Thế Tôn đáp: -Này A-nan! Nếu Tỳ-kheo nào không biết giới, không biết xứ, không biết nhân duyên, không biết trường hợp nào đúng, trường hợp nào sai thì này A-nan, Tỳ-kheo như thế la ngu si, khòng trí tuệ. Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo như thế là ngu si, không trí tuệ. Thưa Thế Tôn, vậy thế nào là Tỳ-kheo trí tuệ, không ngu si? Thê Tôn đáp: Này A-nan! Nếu Tỳ-kheo nào biết giới, biết xứ, biết nhân duyên, biết trường hợp nào đúng, trường hợp nào sai thì này A-nan, Tỳ-kheo như vậy là có trí tuệ, không ngu si. Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo như vậy là trí tuệ, không ngu si. Thưa Thế Tôn, vậy thế nào là Tỳ-kheo biết giới? Á FT1 A 4. / _ The Ton đáp: Này A-nan, đó là Tỳ-kheo thấy và biết như thật về mười tám giới: Nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới. Này A-nan, Tỳ-kheo biết giới là Tỳ-kheo thấy và biết như thật ve mười tám giới này. Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo biết giới là Tỳ-kheo thấy và biết như thật về sáu

giới: Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới và thức giới. Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo biết giới là Tỳ-kheo thấy và biết như thật về sáu giới: Dục giới, sân giới, hại giới, vô dục giới, vô sân giới và vô hại giới. Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo biết giới là Tỳ-kheo thấy và biết như thật về sáu giới: Lạc giới, khổ giới, hỷ giới, xru giới, xả giới và vô minh giới. Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo biết giới là Tỳ-kheo thấy và biết như thật về bốn giới: Thọ giới, tưởng giới, hành giới và thức giới. Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo biết giới là Tỳ-kheo thấy và biết như thật về ba giới: Dục giới, sắc giới và Vô sắc giới.

181. KINH ĐA GIỚI 1199

Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo biết giới là Tỳ-kheo thấy và biết như thật về ba giới: Sắc giới, vô sắc giới và diệt giới. Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo biết giới là Tỳ-kheo thấy và biết như thật về ba giới: Quá khứ giới, vị lai giới và hiện tại giới. Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo biết giới là Tỳ-kheo thấy và biết như thật về ba giới: Diệu giới, bất diệu giới và trung giới. Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo biết giới là Tỳ-kheo thấy và biết như thật về ba giới: Thiện giới, bất thiện giới và vô ký giới. Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo biết giới là Tỳ-kheo thấy và biết như thật về ba giới: Học giới, vô học giới và phi học phi vô học giới. Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo biết giới là Tỳ-kheo thấy và biết như thật về hai giới: Hữu lậu giới và vô lậu giới. Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo biết giới là Tỳ-kheo thấy và biết như thật về hai giới: Hữu vi giới và vô vi giới. Này A-nan, Tỳ-kheo biết giới là Tỳ-kheo thấy và biết như thật về sáu mươi hai giới như thế. Tôn giả A-nan bạch: Thưa Thế Tôn! Tỳ-kheo biết giới là như thế, còn Tỳ-kheo biết xứ thì như thế nào? The Ton đáp: -Nếu Tỳ-kheo nào thấy và biết như thật về mười hai xứ: Nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thanh xứ? tỷ xứ, hương xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ và pháp xứ. Này A-nan! Thấy và biết như thật về mười hai xứ như vậy gọi là Tỳ-kheo biết xứ. Tôn giả A-nan bạch: -Thưa Thế Tôn! Tỳ-kheo biết xứ là như thế, còn Tỳ-kheo biết nhân duyên thì như thế nào? nn*i _ A ri"! A J. / The Ton đáp: -Đó là Tỳ-kheo thấy và biết như thật về nhân duyên, từ nhân duyên mà phát khởi: Do cái này có nên cái kia c6, cái này không nên cái kia không, cái này sanh nên cái kia sanh, cái này diệt nên cái kia diệt. Tức là duyên vô minh có hành,... (cho đến) duyên sanh mà có già, chết. Nếu vô minh diệt thì hành diệt,... (cho đến) sanh diệt thì già, chết diệt. Này A-nan! Như thế là Tỳ-kheo biết nhân duyên. Tôn giả A-nan bạch: Thưa Thế Tôn! Tỳ-kheo biết nhân duyên là như thế, còn Tỳ-kheo biết trường hợp đúng, trường hợp sai thì như thế nào?

1200 KINH TRUNG A-HÀM

rTH*l _ Ặ ÍT' A _ # /
The Tôn đáp:
 Tỳ-kheo biết trường hợp đúng, trường hợp sai là Tỳ-kheo thay và biết như thật về trường hợp đúng là đúng, trường hợp sai là sai.
9 9
Này A-nan, trong đời hoàn toàn không thê có hai vi Chuyên Luân Vương cùng cai trị, chỉ có thể có một vị Chuyển Luân Vương cai trị mà thôi. Này Anan, trên thế gian hoàn toàn không thể có hai đức Như Lai cùng xuất hiện, chỉ có thể có một đức Như Lai xuất hiện mà thôi. Cũng vậy, này A-nan, hoàn toàn không thể có trường hợp một bậc đắc

đạo mà cố ý sát hại cha mẹ, giết A-la- hán, phá hoại Thánh chúng, hoặc ác tâm với Phật, làm Như Lai chảy máu; chỉ có thể có hạng phàm phu mới cố ý sát hại cha mẹ, giết A-la-hán, phá hoại Thánh chúng, ác tâm với Phật, làm Như Lai chảy máu mà thôi. Này A-nan, hoàn toàn không thể có trường hợp một bậc đắc đạo mà cố tình phạm giới, xả giới, hoặc bỏ đạo; chỉ có thể có hạng phàm phu mới cố ý phạm giới, xả giới, hoặc bỏ đạo mà thôi. Hoàn toàn không thê có trường hợp một bậc đác đạo mà lìa bỏ đạo của mình, tôn thờ ngoại đạo, mong cầu phước điền ở ngoại đạo; chỉ có thể có hạng phàm phu mới lìa bỏ đạo của mình, tôn thờ ngoại đạo, mong càu phước điền ở ngoại đạo mà thôi. [0724al0] Này A-nan, hoàn toàn không thể có trường hợp một bậc đắc đạo mà theo các Sa-môn hay Phạm chí khác để nói như vầy: "Cc ngài thấy điều đáng thấy, biết điều đáng biết"; chỉ có thể có hạng phàm phu mới theo các Sa- môn hay Phạm chí khác để nói như vầy: "Các ngài thấy điều đáng thấy, biết điều đáng biết" mà thôi. Này A-nan, hoàn toàn không thể có trường hợp một bậc đắc đạo mà còn tin bói toán, hỏi cát hung; chỉ có thể ở hạng phàm phu mới tin bói toán, hỏi cát hung mà thôi. Này A-nan, hoàn toàn không thể có trường hợp một bậc đắc đạo mà còn theo các Sa-môn hay Phạm chí khác để bói toán, hỏi cát hung, thấy có khổ, có phiền não và thấy những việc đó là thật; chỉ có thể có hàng phàm phu mới theo các Sa-môn hay Phạm chí khác để mà bói toán, hỏi cát hung, thấy có khổ, có phiền não và thấy những việc đó là thật. Này A-nan, hoàn toàn không thể có trường hợp một bậc đắc đạo mà phát sanh sự cực khô, hét sức khô, không thê thương, không thê vui, không thê tư duy, không the suy niệm, cho đến tự kết liễu đời mình, lìa bỏ đạo của mình, cầu cứu ngoại đạo, được Sa-môn hay Phạm chí trì cho một câu chú, hai câu, ba câu, bon câu, nhiều câu, trăm ngàn câu chú, để giải trừ sự khổ đau cho mình; đây là đi tìm sự khổ, tập khởi sự khổ, dẫn đến sự khổ mà nói là dứt khổ; chỉ có thể có hàng phàm phu mới lìa bỏ đạo của mình, cầu cứu ngoại đạo, được Sa-môn hay Phạm chí trì cho một câu chú, hai câu, ba câu, bốn câu, nhiều câu, trăm ngàn câu chú, đê giải trừ sự khổ đau cho mình; đây là đi tìm sự khổ, tập khởi sự khổ, dẫn đến sự khổ mà nói là dứt khổ.

181. KINH ĐA GIỚI 1201

Này A-nan, hoàn toàn không thể có trường hợp một bậc Kiến đế2 mà tái sanh lần thứ tám; chỉ có thể có hạng phàm phu mới tái sanh lần thứ tám. Này A-nan, hoàn toàn không thể có trường hợp một người thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác, do nhân duyên này sau khi qua đời, đi đến đường lành, sanh lên cõi trời; chỉ có thể có hạng người thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác, do nhân duyên này sau khi qua đời, đi đến đường ác5 đọa vào địa ngục. Này A-nan, hoàn toàn không thể có trường hợp một người thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện và ý nghĩ điều thiện, do nhân duyên này sau khi qua đời, đi đên đường ác, đọa vào địa ngục; chỉ có thê có trường hợp một người thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện và ý nghĩ điều thiện, do nhân duyên này sau khi qua đời, đi đến đường lành, sanh lên cõi trời. Này A-nan, hoàn toàn không thể có một người thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác mà được hưởng phước báu an vui; chỉ có thể có hạng người thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác, ắt phải chịu quả báo đau khổ mà thôi. Này A-nan, hoàn toàn không thê có một người thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện và ý nghĩ điều thiện lại

phải chiu quả báo đau khổ; chỉ có thể có trường hợp một người thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện và ý nghĩ điều thiện, ắt được hưởng phước báu an vui. [0724bl2] Này A-nan, hoàn toàn không thể có một người không đoạn trừ năm thứ ngăn che,3 những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém mà có thể an trú tâm vững vàng trên bốn niệm xứ; chỉ có thể có người đoạn trừ năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm 6, khiến tuệ yếu kém thì tâm mới an trú vững vàng trên bốn niệm xứ. Này A-nan, hoàn toàn không thể có một người không đoạn trừ năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém, tâm không an trú vững vàng trên bốn niệm xứ mà muốn tu bảy giác chi; chỉ cỏ người đoạn trừ năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm 6, khiến tuệ yếu kém, tâm an trú vững vàng trên bốn niệm xứ thì mới tu bảy giác chi. Này A-nan, hoàn toàn không thể có một người không đoạn trừ năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém, tâm không an trú vững vàng trên bốn niệm xứ, không tu bảy giác chi mà sắp chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác; chỉ có những người đoạn trừ năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém, tâm an trú vững vàng trên bốn niệm xứ, tu bảy giác chi thì mới chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác. Này A-nan, hoàn toàn không thể có một người không đoạn trừ năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém, tâm không an trú vững vàng trên bốn niệm xứ, không tu bảy giác chi, không chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng

2 Nguyên tác: Kiến đế nhân :Người chứng quả vị Dự lưu. 3 Nguyên tác: Ngũ cái ,pañca nīvarana. Xem chú thích 9, kinh số 19, tr. 112.

r 9

giác mà đoạn hét các khô; chỉ có người đoạn trừ năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm 6, khiến tuệ yếu kém, tâm an trú vững vàng trên bon niệm xứ, tu bảy giác chi, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác mới đoạn hết các khổ. Này A-nan, Tỳ-kheo như vậy là Tỳ-kheo biết trường hợp đúng và trường hợp sai. Tôn giả A-nan bạch: Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo như vậy là Tỳ-kheo biết trường hợp đúng và trường hợp sai. Bấy giờ, Tôn giả A-nan chắp tay bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, kinh này tên gọi là gì? Nên phụng trì như thế nào? rTM_ A A _ -4- L

The Ton đáp: -Này A-nan, nên thọ trì pháp này như là thọ trì pháp đa giới, là pháp giới, là Cam lộ giới, là trống rền, là trống pháp, là trống Cam lộ/ là gương pháp,4 5 là bốn phẩm.6 Thế nên bài pháp này được gọi là Kỉnh đa giới. [0724c02] Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.7

4 Cam lộ c6 .P. Amatadundubhi'. Tiếng trống bất tử. 5 Pháp kính ,Dhammādāso'. Tấm gương Pháp. A-tỳ-đạt-ma Pháp uẩn túc luận 7.26. 153T10. 0502C17 ghi là Đại pháp kính 6 Tứ phẩm catuparivatto .

7 Bản Hán, hết quyển 47.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.